

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Trần Thị Khuyên
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương**

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Khuyên
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương**

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Khuyên

Mã số: 1012401311

Lớp: QT 1404K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư HT VINA

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát được những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp
- Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư HT VINA
- Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư HT VINA. Trên cơ sở đó đưa ra được những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sử dụng số liệu năm 2013

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty cổ phần đầu tư HT VINA

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư HT VINA

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 01 tháng 04 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 01 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trần Thị Khuyên

Th.S Lê Thị Nam Phương

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	2
1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Yêu cầu và nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.3. Các khái niệm cơ bản.	3
1.2. Nội dung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ...	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	17
1.2.4. Kế toán hoạt động tài chính.....	20
1.2.5. Kế toán hoạt động khác.....	22
1.2.6. Xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.	27
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HT VINA	29
2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần đầu tư HT VINA.	29
2.1.1. Sự hình thành và phát triển của công ty cổ phần đầu tư HT VINA.....	29
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.....	30
2.1.3. Đặc điểm trong công tác tổ chức sản xuất.	31
2.1.4. Đặc điểm của công tác kế toán tại công ty.....	33
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư HT VINA.	35
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu của công ty cổ phần đầu tư HT VINA.....	35
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	40

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	47
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	55
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	61
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	61
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA.	68
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư HT VINA.	68
3.1.1. Ưu điểm.....	68
3.1.2. Những tồn tại.....	69
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư HT VINA.	71
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện	71
3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện.....	72
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư HT VINA	72
KẾT LUẬN	86

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế ngày càng phát triển hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra càng gay gắt hơn.

Và vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là hoạt động sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả, có nghĩa là tối đa hóa lợi nhuận và doanh thu trang trải được các khoản chi phí đã bỏ ra. Muốn đạt được điều đó thì sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp phải được thị trường chấp nhận để tạo ra doanh thu. Doanh thu đạt được có thể bù đắp tất cả khoản chi phí bỏ ra thì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là có hiệu quả. Muốn vậy, việc sản xuất kinh doanh phải được theo dõi một cách chặt chẽ dựa trên các số liệu được ghi chép lại một cách hệ thống, chi tiết và chính xác của bộ phận kế toán. Do đó, việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng để xác định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần đầu tư HT VINA, được sự giúp đỡ của Ban giám đốc, các cán bộ Ban Tài chính - Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của cô giáo - Th.S Lê Thị Nam Phương, với kiến thức và lý luận đã được trang bị tại nhà trường em xin đi sâu vào nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty cổ phần đầu tư HT VINA”**.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung gồm 3 phần:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư HT VINA.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư HT VINA.

Do thời gian và kiến thức còn hạn chế nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Trần Thị Khuyên

CHƯƠNG I:**LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH****1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm và đặt lên hàng đầu là làm thế nào để hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên về đời sống và tinh thần. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác,...

Đồng thời, doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến công tác quản lý chi phí, bởi nếu doanh thu đạt được không đủ bù đắp chi phí thì sẽ làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác:

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định có nên đầu tư hay không?

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp họ thấy rõ được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, đưa ra các quyết định cho vay hợp lý.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Từ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, đồng thời quản lý được các khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước,....

1.1.2. Yêu cầu và nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, mở rộng thị phần, tăng vòng quay vốn.

- Cung cấp thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho lãnh đạo doanh nghiệp kịp thời có số liệu để phục vụ việc ra quyết định, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Cung cấp các số liệu, tài liệu cho cơ quan quản lý Nhà nước phục vụ cho yêu cầu quản lý chung nền kinh tế ở tầm vĩ mô, giám sát tình hình thực hiện các nghĩa vụ về thuế.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

1.1.3. Các khái niệm cơ bản.

1.1.3.1. Doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác ” ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn

lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu (Ví dụ: Khi người nhận đại lý thu hộ tiền bán hàng cho đơn vị chủ hàng, thì doanh thu của người nhận đại lý chỉ là tiền hoa hồng được hưởng). Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Các loại doanh thu:

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”:

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ.**

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty tính theo giá nội bộ.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu.**

- **Chiết khấu thanh toán:** là số tiền thưởng cho người mua, tính trên tổng số tiền mà người mua thanh toán đúng hoặc trước thời hạn theo hợp đồng.

- **Chiết khấu thương mại:** gồm bớt giá và hồi khấu.

+ Bớt giá: là khoản giảm trừ trên giá bán thông thường cho người mua, do họ mua khối lượng hàng lớn trong 1 lần.

+ Hồi khấu: là số tiền thưởng cho người mua, do họ mua khối lượng hàng lớn trong một khoảng thời gian nhất định.

- **Hàng bán bị trả lại:** là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối thanh toán.

- **Giảm giá hàng bán:** là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng giao không đúng hẹn,...

- **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** là số thuế gián thu tính trên khoản giá trị gia tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến người tiêu dùng và người tiêu dùng là người chịu thuế.

- **Thuế TTĐB:** là loại thuế gián thu tính trên khoản thu của một số mặt hàng Nhà nước quy định nhằm thực hiện sự điều chỉnh của nhà nước đối với người tiêu dùng.

- **Thuế XK:** là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

❖ **Doanh thu thuần:** là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính: bao gồm những khoản doanh thu liên quan đến hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi, tiền gửi, lãi cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ.
- Doanh thu từ cho thuê TS, cho người khác sử dụng tài chính (bằng phát minh, sáng chế, nhãn hiệu thương mại bản quyền tác giả, phần mềm máy tính...)
- Lợi nhuận được chia
- Doanh thu hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn.
- Doanh thu chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Doanh thu về các hoạt động đầu tư khác.
- Chênh lệch giá do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Doanh thu hoạt động tái chính khác.

❖ **Thu nhập khác**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác ”

- Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.
- Thu nhập khác bao gồm:
 - Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
 - Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
 - Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
 - Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
 - Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
 - Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
 - Các khoản thu khác.

1.1.3.2. Chi phí

Chi phí: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí bao gồm:

- ❖ *Giá vốn hàng bán:*

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kì đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và được xác định là tiêu thụ và các khoản liên quan trực tiếp đến chi phí phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí bán hàng:**

Là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,....

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

❖ **Chi phí tài chính:**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái...

❖ **Chi phí khác:**

Chi phí khác phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

✓ Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

✓ Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

✓ Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN

1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{r}
 \text{Lợi} \\
 \text{nhuận} \\
 \text{thuần từ} \\
 \text{SXKD}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{r}
 \text{Doanh thu bán} \\
 \text{hàng và cung} \\
 \text{cấp dịch vụ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{Các khoản} \\
 \text{giảm trừ} \\
 \text{doanh thu}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{Giá vốn} \\
 \text{hàng} \\
 \text{bán}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{Chi phí} \\
 \text{bán hàng,} \\
 \text{chi phí} \\
 \text{quản lý} \\
 \text{DN}
 \end{array}$$

❖ **Kết quả hoạt động tài chính.**

Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

❖ **Kết quả hoạt động khác.**

Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

❖ **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.**

Là tổng số từ lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

❖ **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN.

$$\begin{array}{r}
 \text{Lợi nhuận} \\
 \text{sau thuế}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{r}
 \text{Tổng lợi nhuận kế} \\
 \text{toán trước thuế}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{Chi phí thuế thu} \\
 \text{nhập doanh nghiệp}
 \end{array}$$

1.2. Nội dung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản **511** – “**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**”.
- Kết cấu:

Bên Nợ:

- Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kì.
- Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kì.
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào **TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”**

Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kì.

- Tài khoản 511 không có số dư đầu và cuối kì.
- Tài khoản 511 có 6 TK cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 5112: Doanh thu các thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản

TK 5118: Doanh thu khác.

- ❖ Tài khoản **512** – “**Doanh thu bán hàng nội bộ**”.

- Kết cấu:

Bên Nợ:

-
- Phản ánh số thuế TTĐB, thuế NK tính trên doanh số bán trong kì.
 - Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu.
 - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kì.
 - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.
 - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.

Bên Có:

- Tổng doanh thu nội bộ phát sinh trong kì kế toán.
 - Tài khoản 512 không có số dư đầu và cuối kì.
 - Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2:
 - TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
 - TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
 - TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng.

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán, dịch vụ đã cung cấp, được xác định là đã bán trong kì, không phân biệt doanh thu đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán bao gồm cả thuế TTĐB và thuế XK.
- Đối với hàng nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu được xác định là phần hoa hồng bán hàng được hưởng.
- Trường hợp bán theo phương thức trả chậm trả góp thì doanh thu được ghi nhận theo giá bán trả ngay một lần và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài

chính phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng phù hợp với thời điểm ghi nhận vào thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được theo dõi phản ánh trên TK 5114 “Doanh thu trợ cấp, trợ giá”.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán nếu có.

- Những sản phẩm, hàng hóa được xác định là tiêu thụ nhưng vì lý do về chất lượng, quy cách, mẫu mã..., người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận, hoặc người mua mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các TK 531 “Hàng bán bị trả lại”, TK 532 “Giảm giá hàng bán”, TK521 “Chiết khấu thương mại”. Cuối kì kết chuyển vào TK 511 để tính doanh thu thuần.

- Trường hợp trong kì doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu được tiền hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” mà chỉ hạch toán vào bên có TK 131 “Phải thu khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào TK 511 về trị giá hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

❖ Tài khoản 521 – “Chiết khấu thương mại”

➤ Kết cấu:

Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ.

Bên Có: Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 521 không có dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 531 – “Hàng bán bị trả lại”**

➤ Kết cấu:

Bên Nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

Bên Có: Kết chuyển doanh thu hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 531 không có số dư đầu và cuối

❖ **Tài khoản 532 – “Giảm giá hàng bán”**

➤ Kết cấu:

Bên Nợ: Khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng phát sinh trong kỳ.

Bên Có: Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.

➤ Tài khoản này không có số dư đầu và dư cuối.

❖ **Tài khoản 333 “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước”**

➤ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào ngân sách NN;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế của hàng bán bị trả lại, giảm giá.

Bên Có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp vào ngân sách NN.
- Tài khoản 333 có số dư bên nợ hoặc bên có.
- Tài khoản 333 có 9 tiểu khoản, trong đó để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng TK 3331, 3332, 3333:

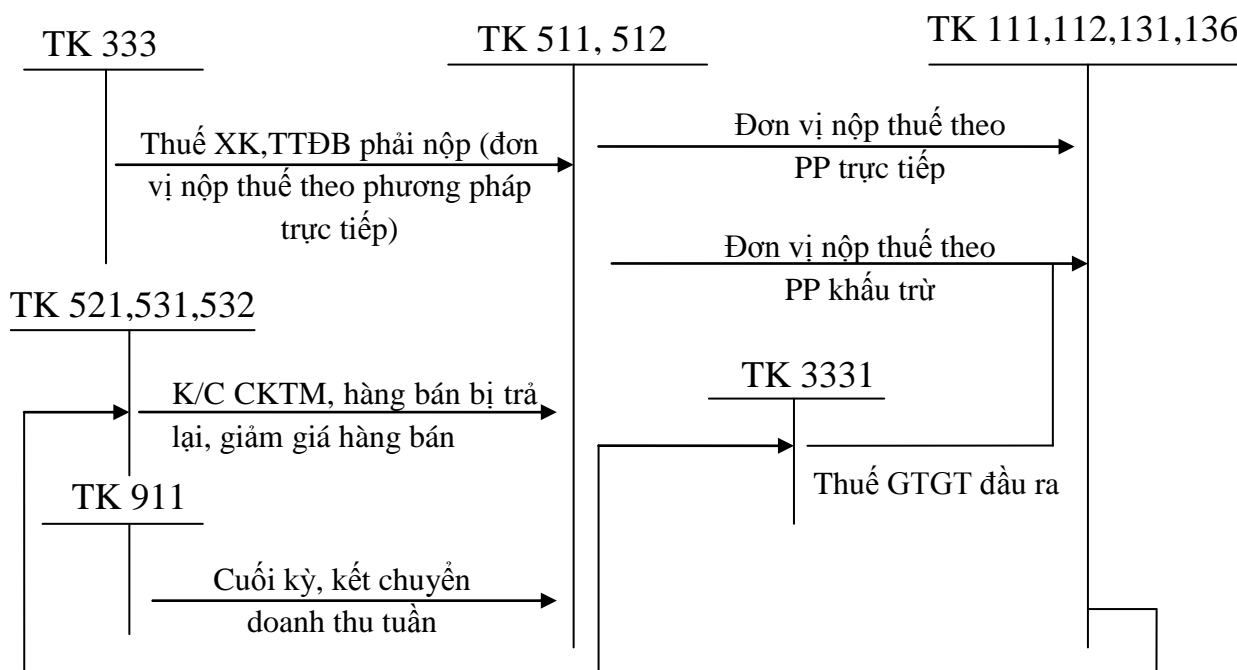
TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

TK 3332: Thuế TTĐB phải nộp

TK 3333: Thuế xuất, nhập khẩu.

1.2.1.3. Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.2.1. Các phương pháp tính giá vốn

❖ Phương pháp Nhập trước - Xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp nhập sau - xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa xuất kho được tính căn cứ vào số lượng thành phẩm, hàng hóa xuất kho trong kỳ và đơn giá bình quân gia quyền.

$$\text{Trị giá thực tế của hàng xuất trong kỳ} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng xuất trong kỳ}} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

Trong đó Đơn giá thực tế bình quân được tính theo 2 phương pháp:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng xuất trong kỳ}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

- Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

❖ Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính giá vốn thực tế của vật tư xuất kho.

Giá vốn hàng bán là một nhân tố cấu thành trong kết quả sản xuất kinh doanh, nên để xác định kết quả kinh doanh đúng đắn thì kế toán cần phải xác định đúng giá trị giá vốn hàng xuất bán. Để xác định giá vốn hàng xuất bán trong kỳ, doanh nghiệp lựa chọn sử dụng phương pháp tính giá vốn hàng xuất trong kỳ phù hợp với đặc điểm kinh doanh, hàng hóa luân chuyển, điều kiện công tác kế toán. Xong phải sử dụng nhất quán trong một kỳ kinh doanh, không được thay đổi cách tính một cách tùy tiện.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường; Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Phiếu xuất kho

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

❖ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng **tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán”**

➤ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ vượt trên mức bình thường, chi phí SXC cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên Có:

- Hoàn nhập khoản dự phòng;
 - Kết chuyển giá vốn sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh;
 - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng **tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán** và tài khoản **631 – “Giá thành sản xuất”**

➤ Kết cấu TK 631

Bên Nợ:

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ;
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 – Giá vốn hàng bán;
 - Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.
- Tài khoản 631 không có số dư đầu và cuối kỳ.
- Kết cấu TK 632

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Trị giá vốn của hàng hóa xuất bán trong kỳ;
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên Có:

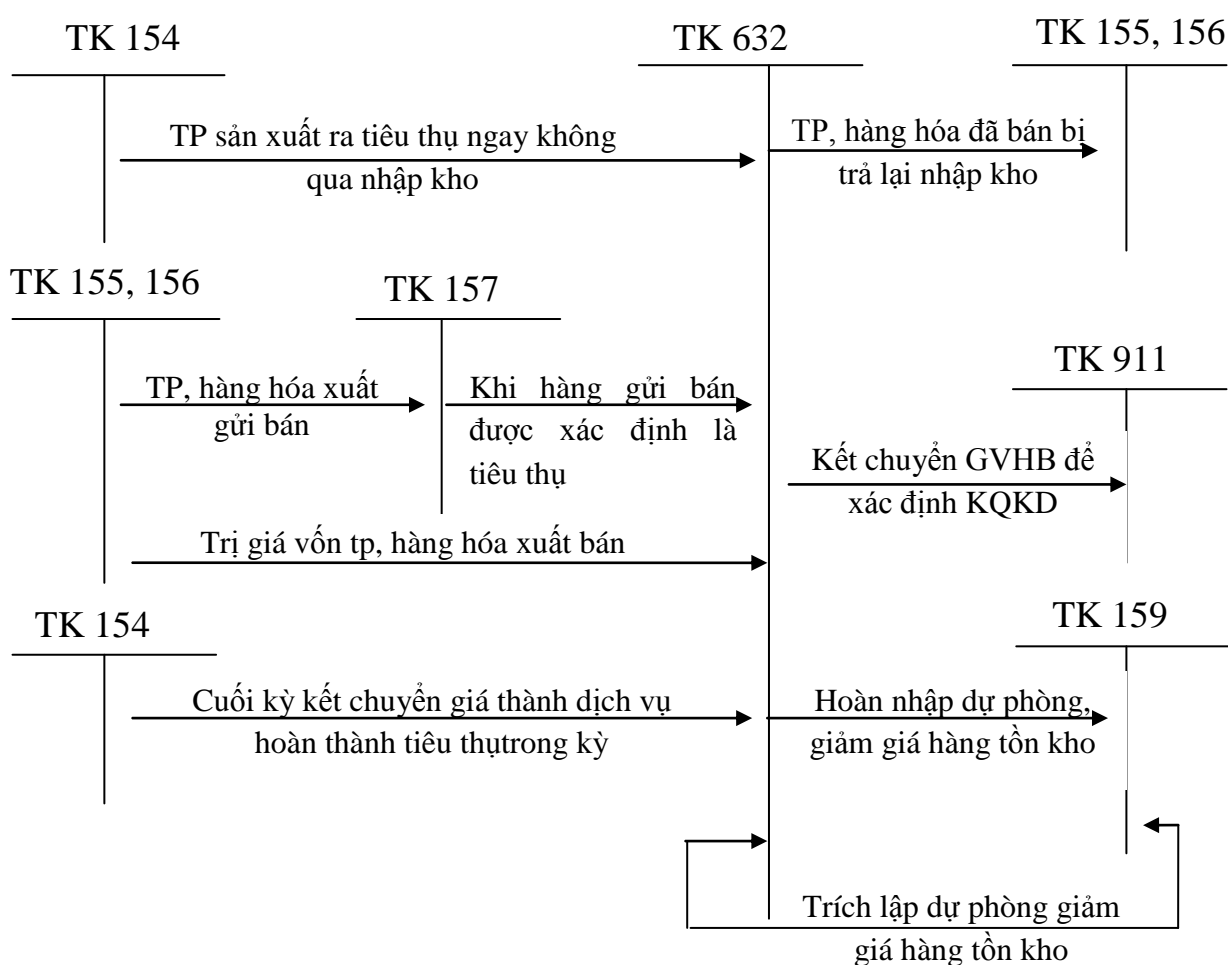
- Kết chuyển hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh;
- Kết chuyển giá vốn thành phẩm tồn kho cuối kỳ;
- Kết chuyển giá vốn thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ TK 911.

➤ Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

1.2.2.4. Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.2:

Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội;
- Bảng tính và phân bổ khấu hao;
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán,...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 641 – “Chi phí bán hàng”

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, TK 641 có thể mở thêm 1 số nội dung chi phí.

➤ Tài khoản chi phí bán hàng gồm 7 tiểu khoản sau:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

➤ Kết cấu TK 641:

Bên Nợ:

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

Bên Có:

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán.
- Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh; hoặc
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 142 “Chi phí trả trước” để chờ phân bổ.

➤ Tài khoản này không có số dư đầu và cuối.

❖ Tài khoản 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp TK 642 có thể được mở thêm một số tài khoản cấp 2 để phản ánh các nội dung chi phí thuộc

chi phí quản lý doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên nợ TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

➤ **Chi phí quản lý doanh nghiệp** gồm 8 tiểu khoản:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426 - Chi phí dự phòng.
- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác.

➤ **Kết cấu:**

Bên Nợ:

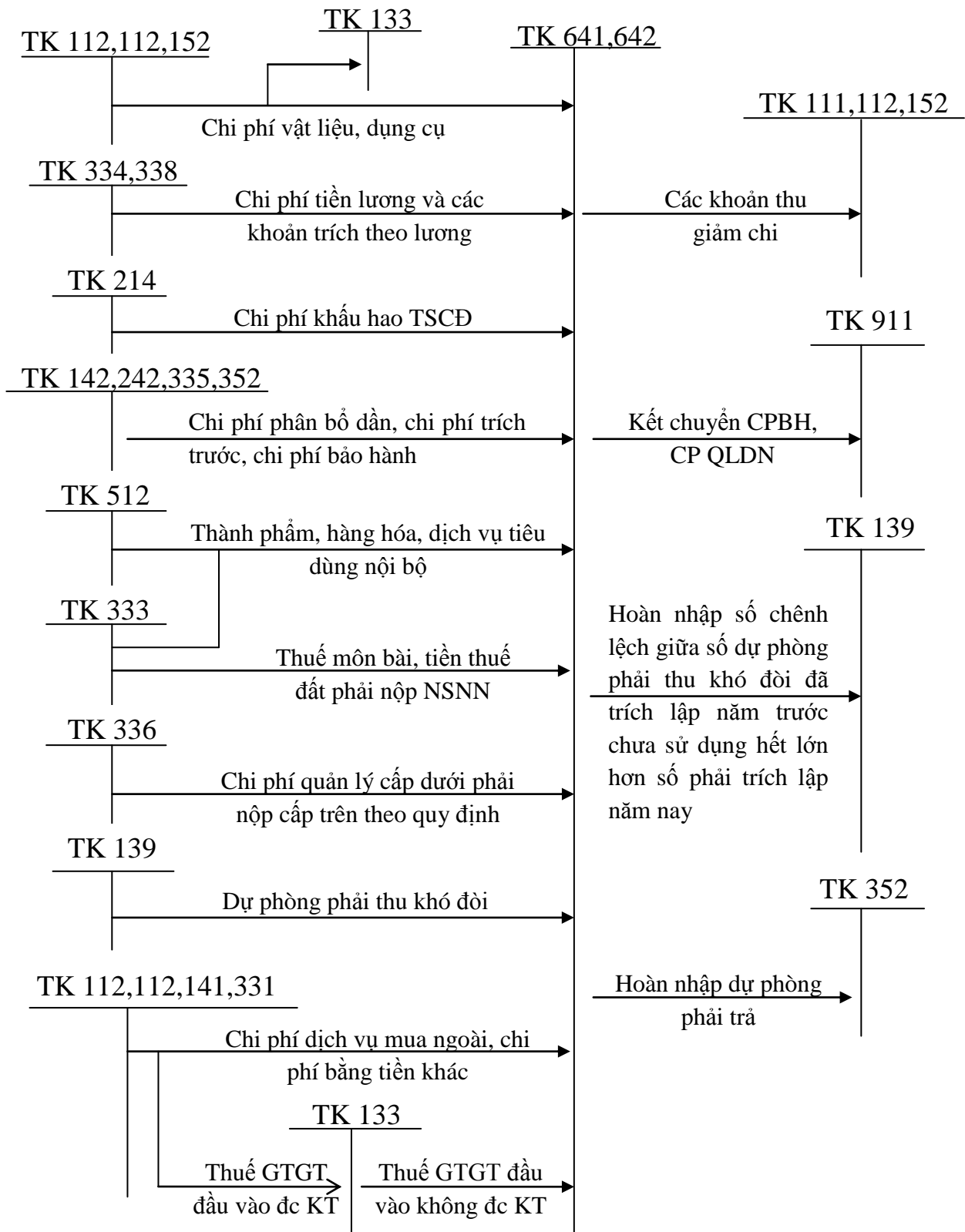
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
 - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” hoặc kết chuyển CP QLDN sang TK 142 để chờ phân bổ.
- Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

1.2.3.3. Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4. Kế toán hoạt động tài chính.**1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Giấy báo nợ, giấy báo có;
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:**❖ Tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính****➤ Kết cấu****Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên Có:

- Các khoản doanh thu liên quan đến hoạt động tài chính.
- Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ Tài khoản 635 – “Chi phí tài chính”**➤ Kết cấu**

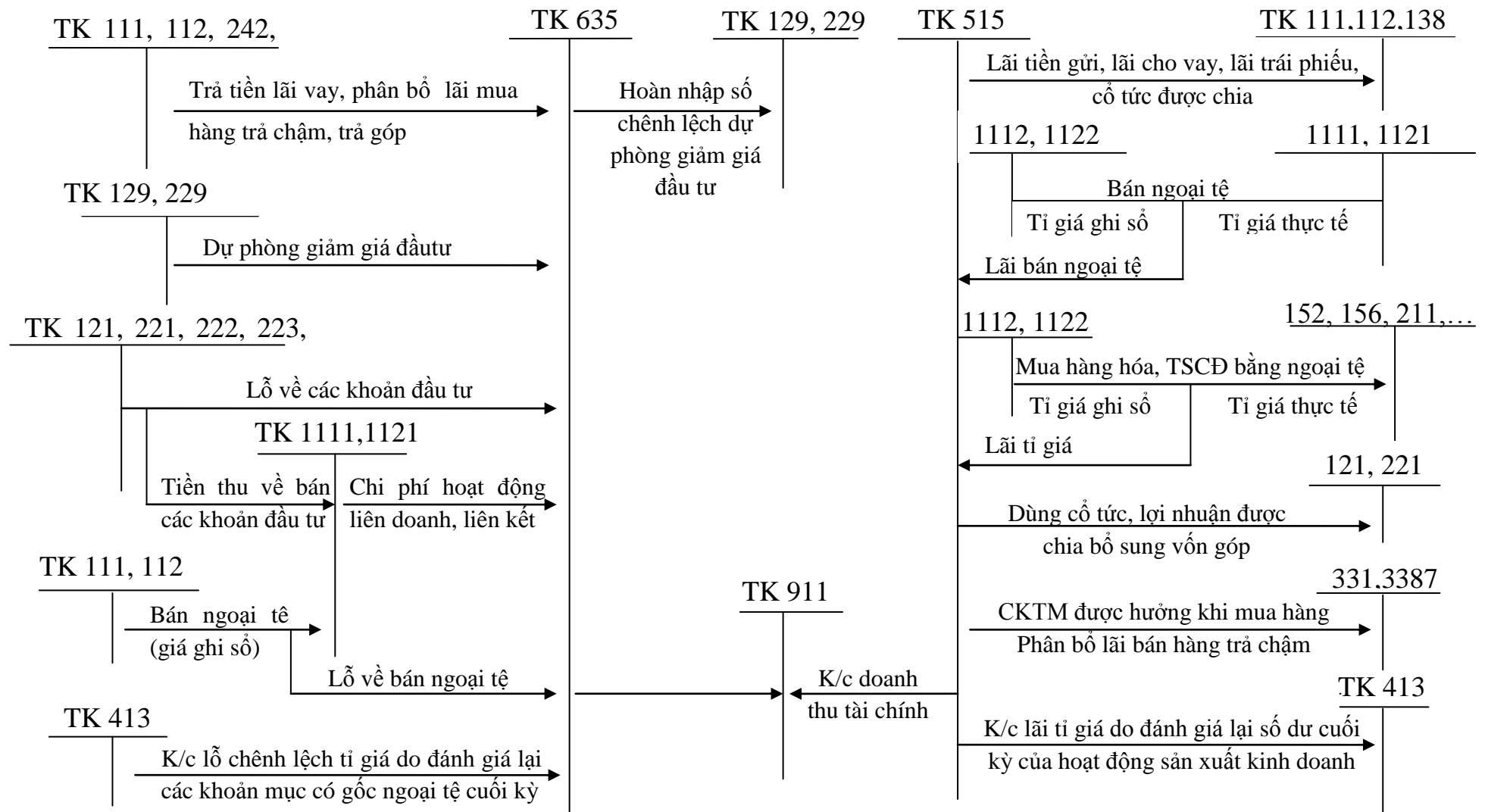
Bên Nợ: Các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính trong kỳ

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ khoản chi phí phát sinh sang TK 911
- Tài khoản 635 không có số dư đầu và cuối kỳ

1.2.4.3. Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.5. Kế toán hoạt động khác.

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá lại tài sản, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ,
- Biên bản góp vốn liên doanh;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – “Thu nhập khác”

- Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 811 – “Chi phí khác”

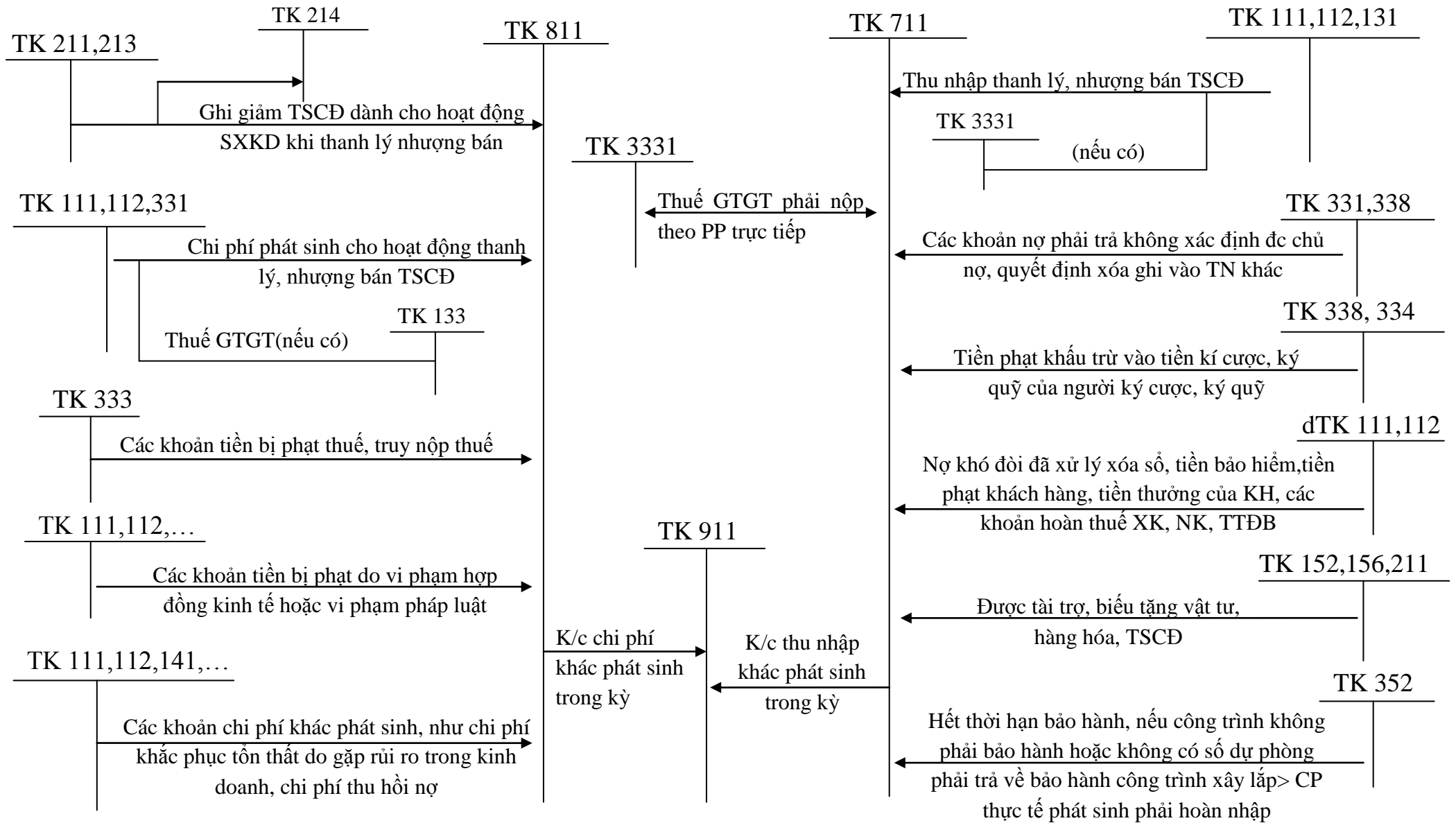
- Kết cấu:

Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Trình tự hạch toán



1.2.6. Xác định kết quả kinh doanh.**1.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán kết chuyển

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng**❖ Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh**

- Kết cấu:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ;
- Chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí khác;
- Chi phí thuế TNDN;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính;
- Thu nhập khác;
- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN;
- Kết chuyển lỗ.

- Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ Tài khoản 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

- Kết cấu:

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”;

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;*

- *Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.*

❖ **Tài khoản 421 – “ Lợi nhuận chưa phân phối”**

➤ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

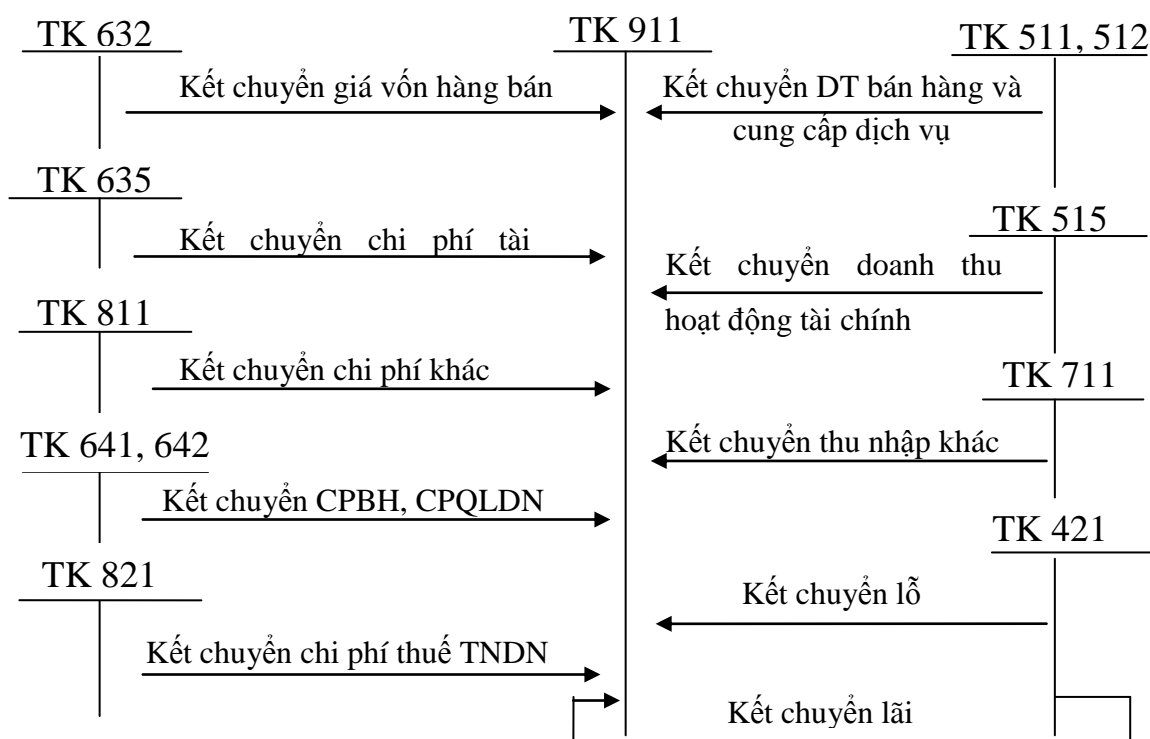
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
 - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
 - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 421 có thể có số dư **Nợ** hoặc số dư **Có**.
 - ✓ **Số dư bên Nợ:** Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
 - ✓ **Số dư bên Có:** Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.
 - Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
 - Tài khoản 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

1.2.6.3. Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

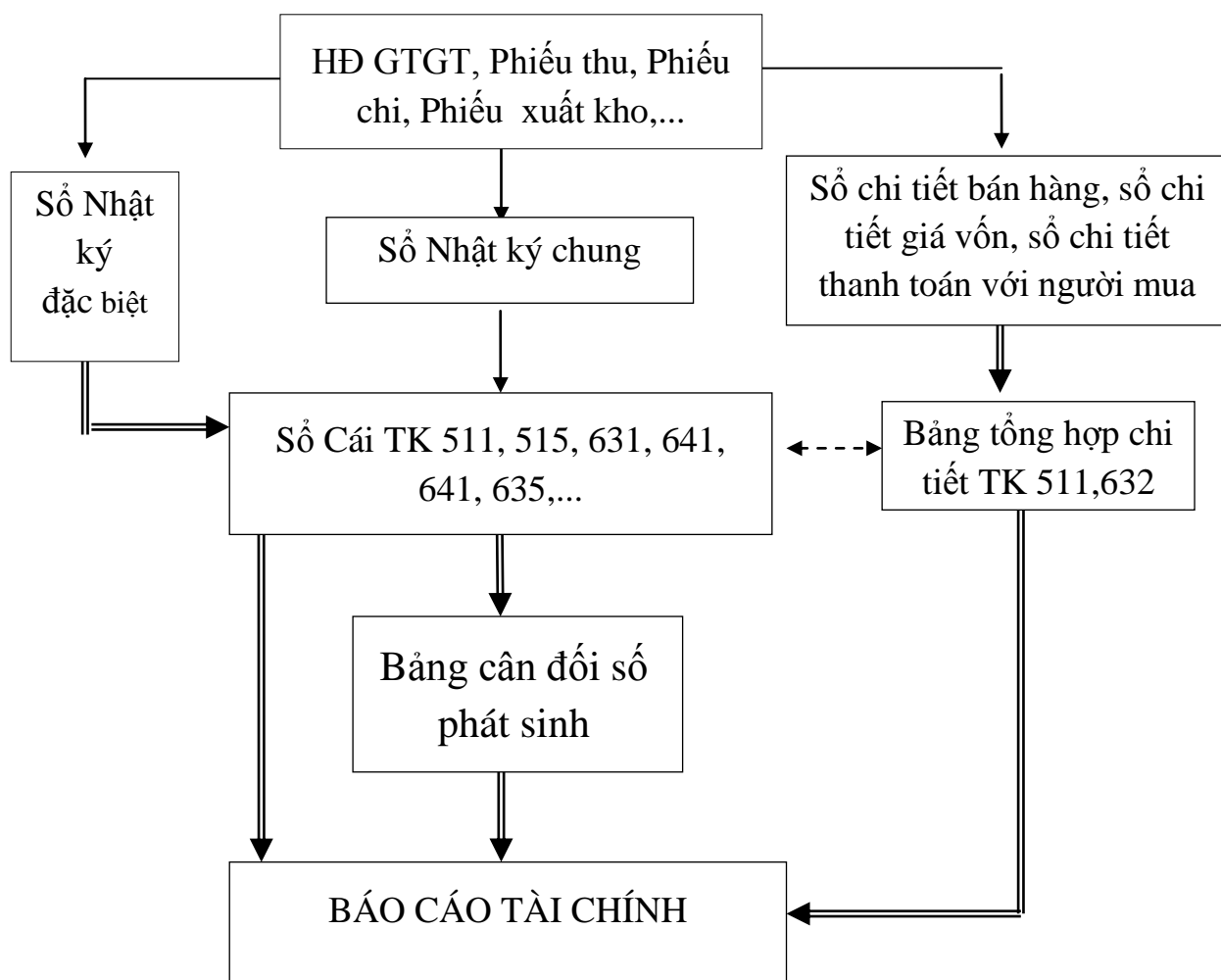


1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Theo hình thức Nhật ký chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các loại sổ sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt, sổ Nhật ký bán hàng
- Sổ cái
- Sổ và thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.9: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ	⇒
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	←-----→

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết, ghi phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó, căn cứ vào các số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp doanh nghiệp mở các sổ Nhật ký đặc biệt, hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán tập hợp các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt có liên quan. Định kỳ hoặc cuối tháng, kế toán tập hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, công số liệu trên Sổ cái, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

CHƯƠNG II:**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HT VINA****2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần đầu tư HT VINA****2.1.1 Sự hình thành và phát triển của công ty cổ phần đầu tư HT VINA**

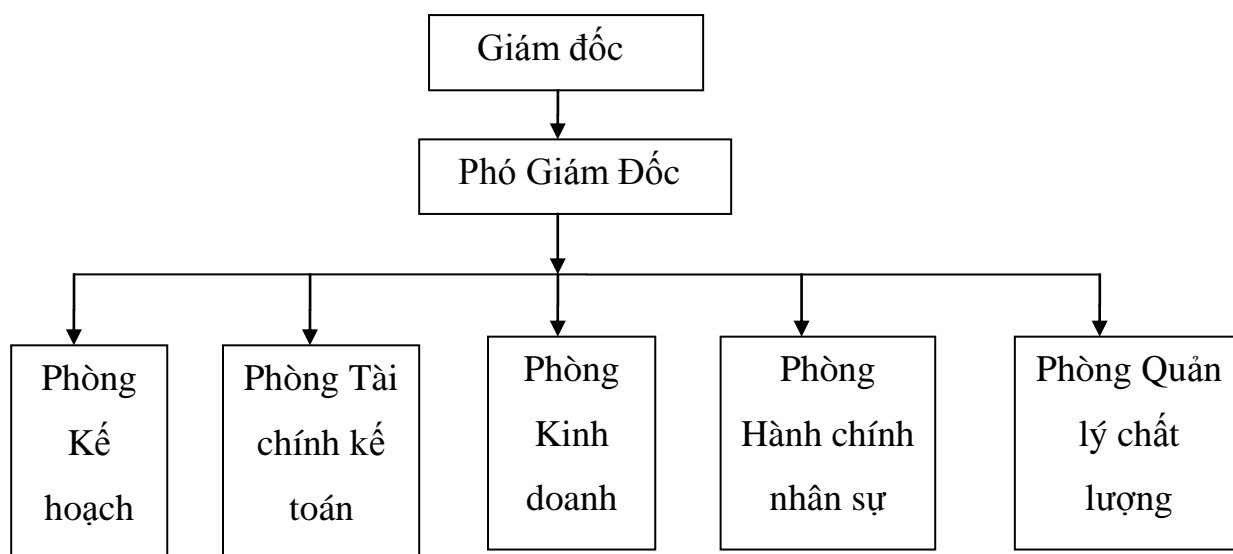
Xuất phát từ việc đáp ứng nhu cầu bao bì carton ngày càng cao và đa dạng. Năm 2008 Công ty cổ phần đầu tư HT VINA được ra đời, với mục tiêu phấn đấu trở thành Nhà sản xuất bao bì carton quy mô lớn và chuyên nghiệp trên thị trường Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu đặt ra, Công ty đã quyết định đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì carton, nhà máy nằm trên khu đất diện tích hơn 2ha tại Khu công nghiệp thực phẩm Hapro Lê Chi- Gia Lâm -Hà Nội với tổng mức đầu tư 200 tỷ đồng. Các máy móc thiết bị chuyên dùng được nhập khẩu đồng bộ và hiện đại: Dây truyền sóng công suất 5 triệu m²/ tháng được nhập khẩu mới 100% từ Đài Loan, máy in 5 màu, 6 màu và các máy móc phụ trợ kèm theo.

Sản phẩm của công ty có mặt trên khắp các tỉnh thành phía bắc, Công ty còn xây dựng Phòng chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp luôn nắm bắt nhu cầu, cũng như phản hồi từ khách hàng, Phòng KCS kiểm tra chất lượng sản phẩm trong từng công đoạn, sản phẩm trước khi xuất xưởng được đo kiểm các thông số như: độ mịn, độ phủ mực, độ bụi, độ nén....Hiện nay công ty đẩy mạnh sản xuất các đơn đặt hàng lớn của các khách hàng như: Sữa Elovi, Hà Nội milk, Sữa Quốc tế, Masan, Orion, Sanmiguel, Vietfood, Trà C2, Gạch Viglace.....

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA.
- Tên giao dịch quốc tế: Ht vina investment joint stock corporation.
- Địa chỉ giao dịch: Khu CNTP Hapro Lê Chi – Gia Lâm – Hà Nội.
- Trụ sở công ty: Số 5 - Phố Ling Lang, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 04.3692.3511.
- Fax: 04.3692.4512/13.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103028152, do sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28/08/2009.
- Tài khoản: 21110000330740 Ngân hàng BIDV chi nhánh Hà Nội.

2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.

SƠ ĐỒ 2.1: TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



****Ban Giám đốc:***

Ban giám đốc bao gồm có 1 giám đốc và 1 phó giám đốc. Giám đốc là người lãnh đạo cao nhất, người điều hành mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu của Công ty đã đề ra trên mọi lĩnh vực.

Để trợ giúp Ban giám đốc còn có một bộ máy quản lý chỉ đạo trực tiếp bao gồm các phòng ban như: Phòng hành chính Nhân sự; phòng kinh doanh, phòng kế toán và phòng kế hoạch

****Phòng kế hoạch:***

Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty các lĩnh vực: Hoạch định kế hoạch mua các loại hàng hóa, vật tư, thiết bị, dụng cụ, các dịch vụ thuê ngoài... Phục vụ sản xuất kinh doanh và hoạt động của công ty.

Tham mưu cho Ban Giám đốc công ty các lĩnh vực: KHSX, Phối hợp kiểm tra, giám sát chất lượng hàng hóa Nhập-Xuất kho; Tổ chức sắp xếp kho hàng; Lập kế hoạch và điều động phương tiện vận chuyển giao hàng cho khách hàng.

Xây dựng và quản lý hệ thống các tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật.

****Phòng tài chính kế toán:***

Tham mưu cho Ban Giám đốc chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê; Công tác quản trị tài chính của Công ty. Thực hiện việc quản lý

các hoạt động sản xuất kinh doanh trên lĩnh vực tài chính, giá cả, chi phí, vv...theo đúng các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước và Công ty.

***Phòng kinh doanh:**

Tham mưu cho Ban Giám đốc công ty công tác phát triển thị trường/ khách hàng. Quản lý, chăm sóc khách hàng. Tư vấn, thiết kế Marketing sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng; Phối hợp với phòng TCKT đơn đốc thu hồi công nợ.

***Phòng hành chính nhân sự:**

Tham mưu cho ban Giám đốc Công ty và thực hiện quản lý nhân sự, tuyển dụng đào tạo, chế độ chính sách đối với người lao động và công tác hành chính quản trị; văn hóa- văn nghệ-thể dục thể thao.

***Phòng quản lý chất lượng:**

Tham mưu cho Ban Giám đốc công ty các lĩnh vực: Kiểm tra, giám sát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào như: Giấy, keo dán, bột sắn, than...; Các công đoạn trong quá trình sản xuất và thành phẩm xuất kho. Theo dõi, kiểm soát quy trình công nghệ và thiết bị đo lường.

2.1.3 Đặc điểm trong công tác tổ chức sản xuất.

Như đã thấy Công ty cổ phần đầu tư HT VINA là một công ty chuyên về sản xuất thùng carton nên các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh này bao gồm có lao động sống, các loại vật liệu mà ở đây nguyên liệu giấy là chủ yếu. Ngoài ra còn một số loại máy móc thiết bị, nhiên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất của Công ty.

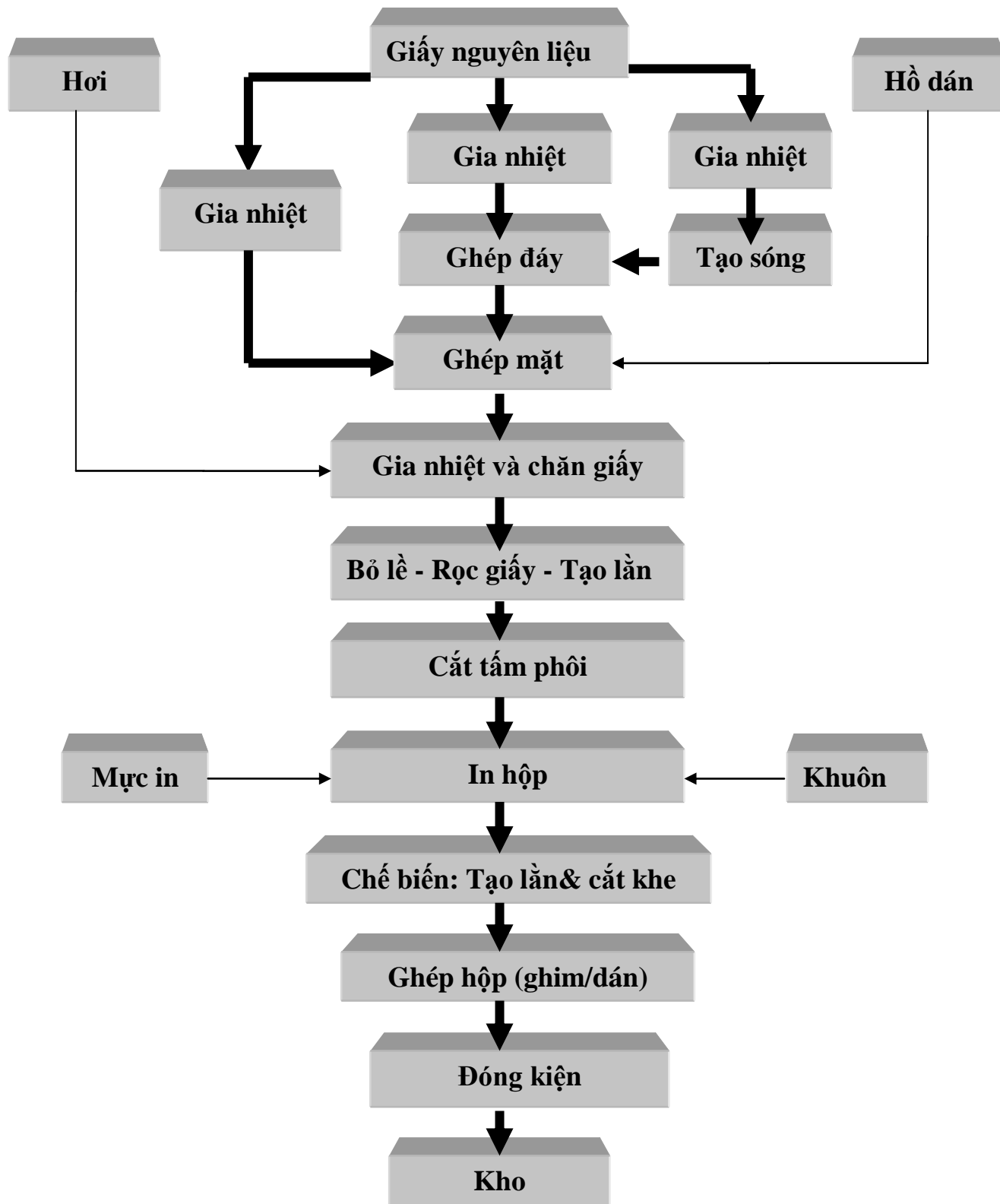
***Nguyên liệu chính:**

- Giấy : có các chỉ tiêu về độ bục, định lượng, màu sắc, độ ẩm theo tiêu chuẩn của Công ty.
- Mực in : theo TCVN và yêu cầu của khách hàng.
- Bột sắn dây : có các chỉ tiêu về màu sắc, độ ẩm, tạp chất theo TCVN.

***Nguyên liệu phụ:**

- Dây ghim, băng keo, hồ dán, dây buộc nilon, than đá, chất phụ gia...

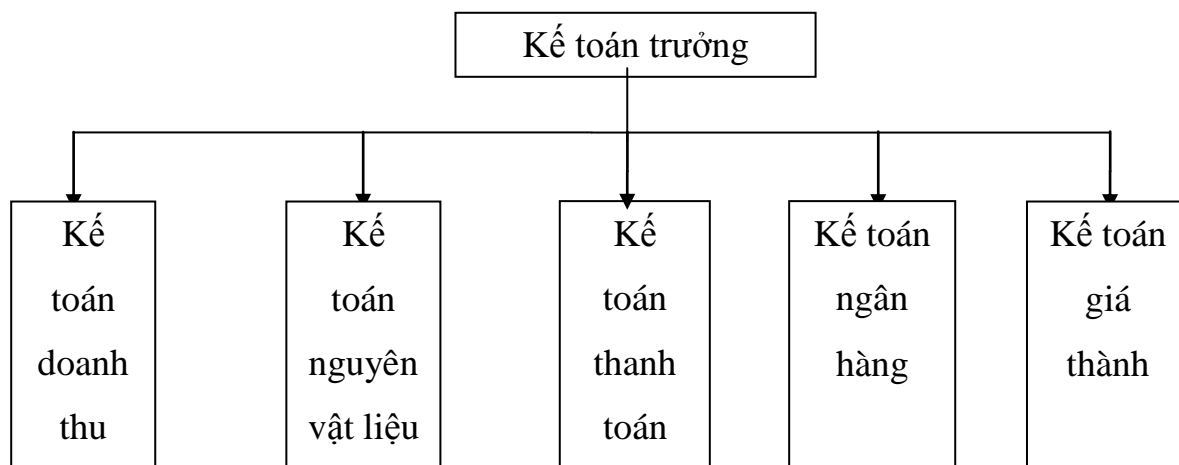
Sơ đồ 2.2: Quy trình công nghệ sản xuất bao bì carton:



2.1.4. Đặc điểm của công tác kế toán tại công ty.

2.1.4.1 Bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần HT Vina



Chức năng, nhiệm vụ:

**Kế toán trưởng:*

Phụ trách chung, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và Nhà nước về việc tổ chức thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Phòng TCKT.

- Điều hành, tổ chức các hoạt động trong phạm vi Công ty về công tác tài chính kế toán. Quản lý các hoạt động của kế toán viên

- Xây dựng Kế hoạch tài chính của Công ty, kết hợp với các phòng, Ban Công ty xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng, Kế hoạch SXKD. Phân tích hoạt động SXKD, giúp cho lãnh đạo Công ty tổ chức tốt hơn hoạt động SXKD. Xây dựng và theo dõi các định mức

- Hướng dẫn công tác hạch toán kế toán thống kê trong toàn phạm vi Công ty. Chỉ đạo việc kiểm tra thực hiện các quy định của Nhà nước như Luật thuế, Luật kế toán, chế độ báo cáo tài chính và quy chế quản lý tài chính của Công ty.

- Chỉ đạo, kiểm tra hoạt động tài chính của các Ban quản lý trực thuộc Công ty. Báo cáo tổng hợp cho Ban lãnh đạo, cân đối tài chính.

- Nghiên cứu, áp dụng và phổ biến các văn bản chế độ mới về công tác tài chính kế toán, áp dụng tin học trong công tác kế toán.

- Thực hiện các nhiệm vụ và Ban lãnh đạo giao.

***Kế toán doanh thu:**

Xuất kho bán hàng, nhập kho thành phẩm sản xuất hoàn thành, viết hóa đơn, đối chiếu công nợ phải thu khách hàng; đối chiếu nhập, xuất tồn kho TP với bộ phận kho, đòi nợ và quản lý công nợ với khách hàng, theo dõi cơ chế khoán PKD, quản lý tồn kho thành phẩm.

*** Kế toán nguyên vật liệu:**

Nhập kho NVL mua từ nhà cung cấp, xuất kho NVL dùng cho sản xuất, quản lý NVL tồn kho, đối chiếu công nợ phải trả với nhà cung cấp, đối chiếu nhập, xuất, tồn kho với bộ phận kho, lên kế hoạch thanh toán cho nhà cung cấp theo hợp đồng.

*** Kế toán thanh toán:**

Thu, chi tiền mặt, quản lý quỹ, thanh toán bằng tiền mặt, quản lý chi phí đầu vào: xăng, dầu, vận chuyển, lãi; phân bổ chi phí 142, 242,153, khấu hao TSCĐ, khấu trừ thuế, quản lý hóa đơn đầu vào, tổng hợp làm tờ khai thuế.

***Kế toán ngân hàng:**

Thu chi các khoản bằng tiền gửi ngân hàng, thanh toán cho nhà cung cấp bằng chuyển khoản, làm hồ sơ thủ tục liên quan đến ngân hàng, làm BCTC nộp ngân hàng, chuyển tiền.

*** Kế toán giá thành:**

Làm nhiệm vụ tính toán giá thành sản phẩm, cập nhập đơn giá nhập kho TP, tính toán giá thành theo định mức bên thuế, cân đối hóa đơn đầu vào đầu ra.

2.1.4.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Niên độ kế toán công ty áp dụng từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12.

- Đơn vị tiền tệ mà Công ty sử dụng trong ghi chép, báo cáo quyết toán là đồng nội tệ: Việt Nam đồng (VNĐ).

- Phương pháp hạch toán: Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: Bình quân gia quyền cả kỳ.

- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Công ty Công ty cổ phần đầu tư HT Vina áp dụng chế độ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư HT VINA.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu của công ty cổ phần đầu tư HT VINA.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng.

➤ Công ty cổ phần đầu tư HT VINA là công ty chuyên sản xuất kinh doanh mặt hàng bao bì carton. Doanh thu của công ty là doanh thu bán các thành phẩm như các loại thùng carton.

➤ Các phương thức bán hàng của công ty:

Hiện nay công ty bán hàng theo phương thức trực tiếp. Bán buôn là hình thức bán chủ yếu của công ty. Theo hình thức này công ty ký hợp đồng bán hàng với công ty khác, căn cứ vào hợp đồng, công ty xuất hàng tại kho và viết hóa đơn GTGT cho khách hàng.

➤ Chứng từ sử dụng.

+ Hợp đồng kinh tế

+ Hóa đơn giá trị gia tăng, Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng

+ Các chứng từ khác có liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ Tài khoản liên quan: 111, 112, 131,...

➤ Ví dụ minh họa:

Ví dụ 2.1: Ngày 09/9/2013 Công ty xuất kho 7.370 Thùng Carton Zin Zin Dâu tươi 180 ml cho Công ty cổ phần Elovi Việt Nam với giá xuất kho là 3.749 đồng/thùng, giá bán 4.300 đồng/thùng.

Kế toán định khoản:

1, Nợ TK 131:	31.691.000	2, Nợ TK 632:	27.641.377
Có TK 511:	3.169.100	Có TK 155:	27.641.377
Có TK 3331:	34.860.100		

Ví dụ 2.2: Ngày 10/9/2013 Công ty xuất kho 26.976 Thùng carton bánh Chocopie 12P cho Công ty TNHH ORION VINA với giá bán là 4.392 đồng/ thùng.

Kế toán định khoản:

1, Nợ TK 131:	118.478.592	2, Nợ TK 632:	103.291.104
Có TK 511:	11.847.859	Có TK 155:	103.291.104
Có TK 3331:	130.326.451		

➤ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001471 và HĐ GTGT số 0001473, kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3), từ đó ghi vào Sổ Cái tài khoản 511 (Biểu số 2.4) đồng thời ghi Sổ chi tiết thanh toán với người mua và tổng hợp vào Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng.

HÓA ĐƠN (GTGT)			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/13P		
Ngày 09 tháng 9 năm 2013			0001471		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA					
Địa chỉ: Số 5 Ling Lang, P.Công Vị, Q.Đống Đa, TP Hà Nội					
Mã số thuế: 0103050179					
Số tài khoản : 21110000330740					
Họ tên người mua hàng: Vũ Tuấn Vũ					
Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ELOVI VIỆT NAM					
Địa chỉ: KCN Nam Phổ Yên, Thái Nguyên					
Mã số thuế: 4600285900					
Số tài khoản : 2167880060880					
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Thùng carton Zin Zin Dâu tươi 180 ml	Thùng	7.370	4.300	31.691.000
Thuế suất GTGT:10%		Cộng thành tiền hàng hóa, dịch vụ			31.691.000
		Tiền thuế GTGT			3.169.100
		Tổng cộng tiền thanh toán			34.860.100
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, một trăm đồng chẵn./.					
<i>Ngày 09 tháng 9 năm 2013</i>					
Người mua hàng <i>(Đã ký họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Đã ký họ tên)</i>		Giám đốc <i>(Đã ký họ tên, đóng dấu)</i>	

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 1471

HÓA ĐƠN (GTGT)			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/13P		
Ngày 10 tháng 9 năm 2013			0001473		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA Địa chỉ: Số 5 Ling Lang, P.Công Vị, Q.Đống Đa, TP Hà Nội Mã số thuế: 0103050179 Số tài khoản : 21110000330740					
Họ tên người mua hàng: Trần Hải Nam Đơn vị: CÔNG TY TNHH ORION VINA Địa chỉ :306 Trần Hưng Đạo-TP Bắc Ninh Mã số thuế: 3700667933 Số tài khoản : 3210068740862 Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Thùng carton bánh Chocopie 12P	Thùng	26.976	4.392	118.478.592
Thuế suất GTGT: 10%		Cộng thành tiền hàng hóa, dịch vụ			118.478.592
		Tiền thuế GTGT			11.847.859
		Tổng cộng tiền thanh toán			130.326.451
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi một đồng./.					
<i>Ngày 10 tháng 9 năm 2013</i>					
Người mua hàng <i>(Đã ký họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Đã ký họ tên)</i>		Giám đốc <i>(Đã ký họ tên, đóng dấu)</i>	

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng số 1473

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling lang, P.Cống Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006/ của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
			Phát sinh quý 3				
....
09/9	HĐ 0001471	09/9	Bán hàng cho công ty cổ phần ELOVI Việt Nam (giá bán)	x	131 511 3331	34.860.100	31.691.000 3.169.100
10/9	HĐ 0001473	10/9	Bán hàng cho công ty TTHN ORION VINA (giá bán)	x	131 511 3331	130.326.451	118.478.592 11.847.859
.....
20/9	HĐ 0001521	20/9	Bán hàng cho công ty TNHH Ngọc Sơn (giá bán)	x	111 511 3331	11.165.000	10.150.000 1.015.000
..
			Cộng phát sinh năm			272.246.702.865	272.246.702.865

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3: Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
 Số 5 Ling lang, P.Công Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 Số hiệu: TK 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh quý 3			
.....
09/09/2013	HĐ 0001471	09/09/2013	Bán hàng cho công ty cổ phần ELOVI VN	131		34.860.100
10/09/2013	HĐ 0001472	10/09/2013	Bán hàng cho công ty TNHH Lavie	131		42.000.000
10/09/2013	HĐ 0001473	10/09/2013	Bán hàng cho công ty TNHH ORION VINA	131		130.326.451
...
20/09/2013	HĐ 0001521	20/09/2013	Bán hàng cho công ty TNHH Ngọc Sơn	111		11.165.000
.....
30/09/2013	PKT 096	30/09/2013	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 3	911	11.046.770.576	
			Cộng số phát sinh bán hàng quý 3		11.046.770.576	11.046.770.576

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Sổ Cái TK 511

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bao gồm có: Giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. Các khoản này phát sinh trong quá trình bán hàng.

Công ty không tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và không kinh doanh mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nên không có 2 khoản này.

Trong trường hợp nếu khách hàng mua nhiều lần hoặc một lần nhưng với trị giá hàng mua lớn thì Công ty tiến hành giảm giá cho khách hàng trực tiếp trên hoá đơn bán hàng. Do đó giá trị này được trừ thẳng vào doanh thu bán hàng không thông qua TK 521- Các khoản giảm trừ doanh thu.

Tuy nhiên hàng bán bị trả lại vẫn còn xảy ra, lỗi xảy ra chủ yếu là trong khi in ấn sản phẩm, chính vì vậy công ty đã hình thành phòng KCS (phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm) để hạn chế tối đa số lượng sản phẩm bị trả lại.

Trong quý 3 năm 2013, tại Công ty cổ phần đầu tư HT VINA không phát sinh bất kỳ một nghiệp vụ nào liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

➤ Kế toán bán hàng sử dụng TK 632 và TK 155 để phản ánh giá vốn hàng xuất bán và tình hình tăng giảm hàng hóa. Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính trị giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ (theo phương pháp này đơn giá xuất chỉ tính vào thời điểm cuối kỳ. Vì vậy, ngay thời điểm xuất Doanh nghiệp chưa biết được trị giá vốn xuất kho mà chỉ theo dõi được số lượng xuất. Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp nhiều loại mặt hàng, giá cả ít biến động).

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho.

➤ Công ty sản xuất nhiều sản phẩm, số lần giao dịch trong ngày rất lớn, do đó trong chuyên đề em xin phân tích một vài sản phẩm điển hình của công ty sản xuất.

➤ **Ví dụ:** Cụ thể tháng 9/2013, số liệu hàng hóa của công ty như sau:

Loại hàng hóa	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
	Số lượng (thùng)	Giá trị (đồng)	Số lượng (thùng)	Giá trị (đồng)	Số lượng (thùng)	Giá trị (đồng)
Thùng carton Zin Zin dâu tươi 180 ml	5.160	18.663.990	13.350	50.730.000	5.140	19.269.860
Thùng carton bánh chocopie 12P	7.801	28.129.801	82.868	319.041.800	9.019	34.533.751

Do đó đơn giá bình quân của thành phẩm xuất kho trong kỳ sẽ là:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} & \quad 18.663.990 + 50.730.000 \\ \text{thùng carton Zin Zin} & = \frac{\quad}{5160 + 13.350} = 3.749 \text{đồng/thùng} \\ \text{dâu tươi 180 ml} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} & \quad 28.129.801 + 319.041.800 \\ \text{thùng carton bánh} & = \frac{\quad}{7.801 + 82.868} = 3.829 \text{đồng/thùng} \\ \text{chocopie 12p} & \end{aligned}$$

Ví dụ 2.3: (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1)

Ngày 09/9/2013 Công ty xuất kho 7.370 Thùng Carton Zin Zin Dâu tươi 180 ml cho Công ty cổ phần Elovi Việt Nam với giá xuất kho là 3.749 đồng/thùng.

➤ Hạch toán:

$$\begin{array}{ll} 1, \text{ Nợ TK 131:} & 31.691.000 & 2, \text{ Nợ TK 632:} & 27.630.130 \\ & \text{Có TK 511:} & 3.169.100 & \text{Có TK 155:} & 27.630.130 \\ & \text{Có TK 3331:} & 34.860.000 & & \end{array}$$

Ví dụ 2.4: (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.2)

Ngày 10/9/2013 Công ty xuất kho 26.976 Thùng carton bánh Chocopie 12P cho Công ty TNHH ORION VINA với giá bán là 4.392 đồng/ thùng, giá xuất kho 3.829 đồng/thùng.

➤ Hạch toán:

1, Nợ TK 131:	118.478.592	2, Nợ TK 632:	103.291.104
Có TK 511:	11.847.859	Có TK 155:	103.291.104
Có TK 3331:	130.326.451		

➤ Từ nghiệp vụ này phòng kế toán sẽ tiến hành công việc lập Phiếu xuất kho

➤ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho PX03-2221 (Biểu số 2.5) và PX03-2223 (Biểu số 2.6), kế toán ghi bút toán phản ánh giá vốn của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.7), từ đó ghi vào Sổ Cái TK 632 (Biểu số 2.8), đồng thời ghi Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa và tổng hợp vào Bảng nhập, xuất, tồn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling Lang, P.Cống Vị, Q.Ba Đình, TP Hà Nội

Mẫu số: 02-VT
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
 -BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ : 632

Ngày 09 tháng 9 năm 2013

Có : 155

Số: PX03-2221

- Họ tên người nhận hàng: Công ty cổ phần ELOVI Việt Nam
- Lý do xuất kho: Bán hàng
- Xuất tại kho: Công ty cổ phần đầu tư HT VINA

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thùng carton Zin Zin 180ml		Thùng	7.370	7.370	3.749	27.630.130
Cộng							27.630.130

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi đồng chẵn ./.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 1 chứng từ gốc.

Ngày 09 tháng 9 năm 2013

Người lập phiếu
(Đã ký họ tên)

Người nhận hàng
(Đã ký họ tên)

Thủ kho
(Đã ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký họ tên)

Giám đốc
(Đã ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho số 03-2221

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling Lang, P. Cống Vị, Q. Ba Đình, TP Hà Nội

Mẫu số: 02-VT
*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ
 -BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ : 632

Ngày 10 tháng 9 năm 2013

Có : 155

Số: PX03-2223

- Họ tên người nhận hàng: Công ty TNHH ORION VINA
- Lý do xuất kho: Bán hàng
- Xuất tại kho: Công ty cổ phần đầu tư HT VINA

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thùng carton bánh Chocppie 12P		Thùng	26.976	26.976	3.829	103.291.104
Cộng							103.291.104

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm linh ba triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, một trăm linh bốn đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 1 chứng từ gốc.

Ngày 10 tháng 9 năm 2013

Người lập phiếu <i>(Đã ký họ tên)</i>	Người nhận hàng <i>(Đã ký họ tên)</i>	Thủ kho <i>(Đã ký họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Đã ký họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Đã ký họ tên)</i>
---	---	---	--	--

Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho số 03-2223

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling lang, P.Cống Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
			Phát sinh quý 3				
....
09/9	PX03-2221	09/9	Bán hàng cho công ty cổ phần ELOVI Việt Nam (giá vốn)	x	632 155	27.630.130	27.630.130
10/9	PX03-2222	10/9	Bán hàng cho công ty TNHH Lavie (giá vốn)	x	632 155	34.500.000	34.5000.000
10/9	PX03-2223	10/9	Bán hàng cho công ty TTHN ORION VINA (giá vốn)	x	632 155	103.291.104	103.291.104
....
			Cộng phát sinh năm			272.246.702.856	272.246.702.856

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
 Số 5 Ling lang, P.Công Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2013
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Số hiệu: TK 632

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Phát sinh quý 3</i>			
.....	
09/09/2013	PX03-2221	09/09/2013	Bán hàng cho công ty cổ phần ELOVI VN	155	27.630.130	
10/09/2013	PX03-2222	10/09/2013	Bán hàng cho công ty TNHH Lavie	155	34.500.000	
10/09/2013	PX03-2223	10/09/2013	Thùng Carton bánh Chocopie 12P	155	103.291.104	
...	
20/09/2013	PX03-2238	20/09/2013	Bán hàng cho công ty TNHH Ngọc Sơn	155	7.500.000	
30/09/2013	PKT 097	30/09/2013	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 3	911		7.500.000
			Cộng số phát sinh quý 3		8.451.836.396	8.451.836.396

Người ghi sổ
 (Đã ký họ tên)

Kế toán trưởng
 (Đã ký họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Giám đốc
 (Đã ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Sổ Cái TK 632

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.

➤ Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, bao gồm chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí quảng cáo, vận chuyển, bốc xếp, chi phí dịch vụ bằng tiền khác. Tại văn phòng, kế toán sử dụng TK 641 phản ánh chi phí bán hàng cho hàng xuất bán ra trong tháng.

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác. Kế toán sử dụng TK 642 để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong tháng.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng tính và phân bổ lương.

➤ Ví dụ minh họa:

Ví dụ 2.5: Ngày 03/09/2013 Công ty cổ phần đầu tư HT VINA chi tiếp khách hàng Công ty Orion của bộ phận bán hàng số tiền là: 3.916.000 đồng, đã thanh toán bằng tiền mặt cho toàn bộ số tiền nêu trên, bao gồm cả thuế GTGT.

Kế toán định khoản:

Nợ TK641:	3.560.000
Nợ TK133:	356.000
Có TK 111:	3.916.000

➤ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0098230 (Biểu số 2.9) và Phiếu chi số PC0913-001 (Biểu số 1.10), kế toán ghi bút toán phản ánh chi phí bán hàng vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.13), từ đó ghi vào Sổ Cái tài khoản 641 (Biểu số 2.14).

Ví dụ 2.6:

Ngày 16/09/2013 Công ty cổ phần đầu tư HT VINA chi thanh toán tiền mua đồ dùng văn phòng phẩm cho phòng kế toán, số tiền 842.600 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642:	766.000
Nợ TK 133:	76.600
Có TK 111:	842.600

➤ Căn cứ HĐ GTGT số 0015910 (Biểu số 2.11) và Phiếu chi số PC0913-035 (Biểu số 2.12), kế toán ghi bút toán phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.13), từ đó ghi vào Sổ Cái TK 642 (Biểu số 2.15)

HÓA ĐƠN (GTGT)		Mẫu số: 01GTKT2/001
Liên 2: Giao khách hàng		Ký hiệu: AA/13P
Ngày 03 tháng 9 năm 2013		0098230
Đơn vị bán hàng: Nhà Hàng Thúy Hạnh		
Địa chỉ: 17 Ling Lang, P.Công Vi, Q.Ba Đình, Hà Nội		
Mã số thuế: 0101646100		
Họ tên người mua hàng: Lê Đức Thọ		
Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN đầu tư HT VINA		
Địa chỉ: Số 5 Ling Lang, P.Công Vi, Q.Đống Đa, TP Hà Nội		
Mã số thuế: 0103050179		
Số tài khoản: 21110000330740		
Hình thức thanh toán: TM		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thành tiền
A	B	1
1	Tiếp khách (ăn uống)	3.560.000
Cộng tiền hàng:		3.560.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT 356.000
Tổng cộng tiền thanh toán		3.916.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng chẵn./.		
<p>Người mua hàng (Đã ký họ tên)</p>		<p>Người bán hàng (Đã ký họ tên)</p>
		<p>Giám đốc (Đã ký họ tên, đóng dấu)</p>
<i>Ngày 03 tháng 9 năm 2013</i>		

Biểu số 2.9: Hóa đơn giá trị gia tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling Lang, P.Cống Vị, Q.Ba đình, Hà Nội

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI
 Ngày 03 tháng 9 năm 2013

Quyển số:
 Số: PC0913-001
 Nợ: 641
 Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Lê Đức Thọ
 Địa chỉ: Nhân viên PKD
 Lý do chi: Chi tiếp khách Công ty Orion
 Số tiền: 3.619.000
 (Viết bằng chữ): *Ba triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng chẵn*
 Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 03 tháng 9 năm 2013

Giám đốc <i>(Đã ký họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Đã ký họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(Đã ký họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Đã ký họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Đã ký họ tên)</i>
--	--	---	---	---

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Sáu triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi hai đồng chẵn ./.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....
 + Số tiền quy đổi:.....

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Người ghi sổ <i>(Đã ký họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Đã ký họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Đã ký họ tên, đóng dấu)</i>
--	--	--

Biểu số 2.10: Phiếu chi số 0913-001

<p>HÓA ĐƠN (GTGT) Liên 2: Giao khách hàng Ngày 16 tháng 9 năm 2013</p>		<p>Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu: AA/13P 0000830</p>			
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thiết bị văn phòng văn phòng phẩm Âu Cơ Địa chỉ: Số 14/38 Lý Nam Đế, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội Mã số thuế: 0102354079</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Đỗ Thu Trang Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN đầu tư HT VINA Địa chỉ : Số 5 Ling Lang, P.Cống Vị, Q.Đống Đa, TP Hà Nội Mã số thuế: 0103050179 Số tài khoản : 21110000330740 Hình thức thanh toán: TM</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Giấy in A4	Thùng	01	600.000	600.000
2	Kẹp giấy	Hộp	02	23.000	46.000
3	Bút bi Thiên Long	Hộp	02	60.000	120.000
Cộng tiền hàng:					766.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			76.600
Tổng cộng tiền thanh toán					842.600
Số tiền viết bằng chữ: Tám trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm đồng chẵn.					
Ngày 16 tháng 9 năm 2013					
<p>Người mua hàng (Đã ký họ tên)</p>		<p>Người bán hàng (Đã ký họ tên)</p>		<p>Giám đốc (Đã ký họ tên, đóng dấu)</p>	

Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA

Số 5 Ling lang, P.Cống Vị, Q.Ba đình, Hà Nội

Mẫu số 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 16 tháng 9 năm 2013

Quyển số:

Số: PC0913-035

Nợ: 642

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Đỗ Thu Trang

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Chi TT tiền mua đồ dùng văn phòng phẩm

Số tiền: 842.600

(Viết bằng chữ): Tám trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm đồng chẵn ./.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 16 tháng 9 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Đã ký họ tên)</i>	<i>(Đã ký họ tên)</i>	<i>(Đã ký họ tên)</i>	<i>(Đã ký họ tên)</i>	<i>(Đã ký họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười sáu triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng chẵn./.

+ Tỉ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.12: Phiếu chi số 0913-035

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling lang, P.Cống Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số S03a - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006/ của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
			<i>Phát sinh quý 3</i>				
03/9	PC0913-001	03/9	Chi tiền tiếp khách Orion	x	641 111	3.916.000	3.916.000
....
16/9	PC0913-035	16/9	Chi TT tiền mua đồ dùng văn phòng phẩm	x	642 111	842.600	842.600
....
20/9	PC0913-066	20/9	Chi tiền tiếp khách Brother cho TDTrung	x	641 111	2.170.800	2.170.800
...
30/9	BTTLT9	30/9	Tính lương cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp	x	641 642 334	55.950.000 142.380.500	201.330.500
			Cộng phát sinh năm			272.246.702.865	272.246.702.865

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA

Số 5 Ling lang, P.Cống Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số S03b-DN

*(Ban hàng theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tháng 9 năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: TK 641

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh quý 3			
03/09/2013	PC0913-001	03/09/2013	Chi tiền tiếp khách Orion	111	3.916.000	
.....
20/09/2013	PC0913-057	20/09/2013	Chi TT công tác Sài Gòn	111	6.708.182	
...
30/09/2013	BTTLT9	30/09/2013	Chi lương bộ phận bán hàng	334	55.950.000	
30/09/2013	PKT 097	30/09/2013	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 3	911		180.330.322
			Cộng số phát sinh quý 3		180.330.322	180.330.322

Người ghi sổ
(Đã ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Giám đốc
(Đã ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14: Sổ Cái TK 641

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling lang, P.Công Vi, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2013
Tên tài khoản: Quản lý doanh nghiệp
Số hiệu: TK 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh quý 3			
.....	
05/09/2013	PC0913-005	05/09/2013	Chi TT Bạch Đằng Giang chi phí bảo vệ	111	14.300.000	
.....
16/09/2013	PC0913-035	16/09/2013	Chi TT tiền mua văn phòng phẩm	111	842.600	
.....
30/09/2013	BTTLT9	30/09/2013	Chi TT tiền lương tháng 9	334	142.380.500	
30/09/2013	PKT 097	30/09/2013	Kết chuyển chi phí QLDN quý 3	911		423.822.145
			Cộng số phát sinh quý 3		423.822.145	423.822.145

Người ghi sổ
(Đã ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Giám đốc
(Đã ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Sổ Cái TK 642

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

➢ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Phiếu chi,
- Giấy báo nợ, giấy báo có;
- Các chứng từ khác có liên quan.

➢ Tài khoản sử dụng:

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

➢ Ví dụ minh họa:

Ví dụ 2.7: Ngày 25/9 tại Công ty cổ phần đầu tư HT VINA phát sinh nghiệp vụ sau:

Nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng đầu tư và phát triển về lãi tiền gửi của Công ty tại ngân hàng chi nhánh Hà Nội với số tiền là 964.282 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 964.282

Có TK 515: 964.282

➢ Căn cứ vào giấy báo có ngày 25/09/2013 (Biểu số 2.16), kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu hoạt động tài chính vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18), từ đó ghi vào Sổ Cái TK 515 (Biểu số 2.19).


Ví dụ 2.8: Ngày 26/09/2013, BIDV thu lãi ngắn hạn, số tiền 9.103.513 đồng

Kế toán định khoản:


Nợ TK 635: 9.103.513

Có TK 112: 9.103.513

➢ Căn cứ vào Ủy nhiệm chi ngày 26/09/2013 (Biểu số 2.17), kế toán ghi bút toán phản ánh chi phí tài chính vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18), từ đó ghi vào Sổ Cái TK 635 (Biểu số 2.20).

	GIẤY BÁO CỐ		
BIDV		Ngày: 25/09/2013 10:13:34	
SỐ TÀI KHOẢN : 21110000330740 TÊN TÀI KHOẢN : CTY CP ĐẦU TƯ HT VINA			
Kính gửi: CTY CP ĐẦU TƯ HT VINA		Ngân Hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo : Tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi CỐ với nội dung sau:	
NGÀY HIỆU LỰC	SỐ TIỀN	LOẠI TIỀN	DIỄN GIẢI
25/09/2013 10:13:34	964.282	VND	LÃI TÀI KHOẢN THÁNG 9
		Giao dịch viên	Kiểm soát

Biểu số 2.16: Giấy báo cố

	<h2 style="margin: 0;">ỦY NHIỆM CHI</h2> <p style="margin: 0;">ORDER FOR PAYMENT</p>	Số Sep/ No: Ngày/ Date: 26/09/2013
Số tiền bằng số/ <i>Amount in figures</i> : 9.103.513 Số tiền bằng chữ/ <i>Amount in words</i> : Ba mươi triệu, năm trăm mười một nghìn, hai trăm linh tám đồng		<input type="checkbox"/> Phí trong <i>charge included</i>
Nội dung/ <i>Remarks</i> : Ngân hàng BIDV thu lãi ngắn hạn		Phí NH: <i>chargers</i> <input type="checkbox"/> Phí ngoài <i>charge excluded</i>
Đơn vị yêu cầu: Công ty cổ phần đầu tư HT VINA APPLICANT: Số CMT/ ID/PP: Ngày cấp/ date Số TK/ A/C No: 21110000330740 Tại NH/ At Bank: BIDV	Đơn vị/ người hưởng: Ngân hàng BIDV BENEFICIARY Số CMT/ ID/PP: Ngày cấp/ date Số TK/ A/C No: Tại NH/ At Bank: Ngân hàng BIDV	
Phần dành cho ngân hàng		
Kế toán trưởng Chủ tài khoản <i>Chief acoountant</i> <i>Acc holder</i>	NGÂN HÀNG GỬI/ SENDING BANK (BIDV) Giao dịch viên <i>Received by</i>	NGÂN HÀNG NHẬN/ RECEIVING (BANK) Giao dịch viên <i>Received by</i>
	Kiểm soát <i>Verified by</i>	Kiểm soát <i>Verified by</i>

Biểu số 2.17: Mẫu Ủy nhiệm chi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling lang, P.Công Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006/ của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
			Phát sinh quý 3				
....
25/9	GBC 2509	25/9	Lãi TK BIDV tháng 9	x	112 515	964.282	964.282
26/9	UNC 026	26/9	BIDV thu lãi ngắn hạn	x	635 112	9.103.513	9.103.513
.....
30/9	PKT 096	30/9	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	x	515 911	1.286.312	1.286.312
30/9	PKT 097	30/9	Kết chuyển chi phí tài chính	x	911 635	1.130.016.218	1.130.016.218
			Cộng phát sinh năm			272.246.702.865	272.246.702.865

Người ghi sổ
(Đã ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Giám đốc
(Đã ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21: Sổ Nhật ký chung năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA

Số 5 Ling lang, P.Cống Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số S03b-DN

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Phát sinh quý 3</i>			
.....
25/09/2013	GBC 2509	25/09/2013	Lãi TK BIDV tháng 9	112		964.282
26/09/2013	GBC 2609	26/09/2013	MB TT lãi TK tháng 9	112		5.405
30/09/2013	GBC 3009	30/09/2013	VIB TT lãi TK tháng 9	112		316.625
30/09/2013	PKT 096	30/09/2013	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	1.286.312	
			<i>Cộng số phát sinh quý 3</i>		1.286.312	1.286.312

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20: Sổ Cái TK 635

Mẫu số S03b-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling lang, P.Công Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

(Ban hàng theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2013
Tên tài khoản: Chi phí tài chính
Số hiệu: TK 635

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Phát sinh quý 3</i>			
14/09/2013	UNC 014	14/09/2013	BIDV thu gốc và lãi vay ngắn hạn	112	10.924.445	
20/09/2013	UNC 020	20/09/2013	VIB thu lãi KU088DN2374.08	112	18.700.880	
22/09/2013	UNC 022	22/09/2013	BIDV thu lãi vay dài hạn tháng 9/13 KU 337570	112	19.891.666	
26/09/2013	UNC 026	26/09/2013	BIDV thu lãi ngắn hạn	112	9.103.513	
.....	
30/09/2013	PKT 097	30/09/2013	Kết chuyển chi phí tài chính quý 3	911		1.130.016.128
			<i>Cộng số phát sinh quý 3</i>		1.130.016.218	1.130.016.218

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Người ghi sổ
(Đã ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký họ tên)

Giám đốc
(Đã ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Sổ Cái TK 515

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

Trong quý 3 năm 2013, không phát sinh khoản thu nhập khác và chi phí khác tại công ty cổ phần đầu tư HT VINA.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào thì việc xác định kết quả kinh doanh là khâu được quan tâm chú ý rất nhiều. Xác định kết quả kinh doanh qua đó cho ta biết được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được phương hướng kinh doanh sao cho đạt hiệu quả nhất.

- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Ví dụ: Kết quả hoạt động kinh doanh quý 3 năm 2013 của Công ty:

- **Tổng phát sinh bên Nợ TK 911: 10.186.005.081**
 - Kết chuyển giá vốn hàng bán: 8.451.836.396
 - Kết chuyển chi phí bán hàng: 180.330.322
 - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp: 423.822.145
 - Kết chuyển chi phí tài chính: 1.130.016.218
- **Tổng phát sinh bên Có TK 911: 11.048.056.888**
 - Kết chuyển doanh thu bán hàng: 11.046.770.576
 - Kết chuyển doanh thu tài chính: 1.286.312

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = 11.048.056.888 - 10.186.005.081
= **862.051.801**

Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 862.051.801 * 25% = **215.512.950**

Lợi nhuận sau thuế TNDN: 862.051.801 - 215.512.950 = **646.538.851**

Cuối quý, kế toán lập các phiếu kế toán số 096, 097, 098, 099, 100 (Biểu số 2.21, 2.22, 2.23, 2.24, 2.25) . Căn cứ vào Phiếu kế toán, Kế toán tiến hành ghi số liệu vào Sổ Nhật ký chung và các Sổ Cái có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling Lang – Công Vị - Ba Đình – Hà Nội

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Số 096

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 3	511	911	11.046.770.576
Kết chuyển doanh thu tài chính quý 3	515	911	1.286.312
Cộng			11.048.056.888

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán số 096

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling Lang – Công Vị - Ba Đình – Hà Nội

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Số 097

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 3	911	632	8.451.836.396
Kết chuyển chi phí tài chính quý 3	911	635	1.130.016.218
Kết chuyển chi phí bán hàng quý 3	911	641	180.330.322
Kết chuyển chi phí QLDN quý 3	911	642	423.822.145
Cộng			10.186.005.081

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán số 097

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling Lang – Công Vị - Ba Đình – Hà Nội

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Số 098

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Xác định thuế TNDN quý 3	821	3334	215.512.950
Cộng			215.512.950

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 098

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling Lang – Công Vị - Ba Đình – Hà Nội

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Số 099

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 3	911	821	215.512.950
Cộng			215.512.950

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 099

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling Lang – Công Vị - Ba Đình – Hà Nội

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Số 100

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển lãi quý 3	911	821	646.538.851
Cộng			646.538.851

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling Lang, Công Vị, Ba Đình, HN

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....
30/9	PKT 096	30/09	Kết chuyển doanh thu bán hàng Kết chuyển doanh thu tài chính	511 515 911	11.046.770.576 1.286.312	11.048.056.888
30/9	PKT 097	30/9	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 3 Kết chuyển chi phí tài chính quý 3 Kết chuyển chi phí bán hàng quý 3 Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 3	911 632 635 641 642	10.186.005.081	8.451.836.396 1.130.016.218 180.330.322 423.822.145
30/9	PKT 098	30/9	Xác định thuế TNDN quý 3	821 3334	215.512.950	215.512.950
30/9	PKT 099	30/9	Kết chuyển thuế TNDN quý 3	911 821	215.512.950	215.512.950
30/9	PKT 100	30/9	Kết chuyển lãi quý 3	911 421	646.538.851	646.538.851
			Cộng phát sinh năm		125.256.702.865	125.256.702.865

Người ghi sổ
(Đã ký họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Đã ký họ tên, đóng dấu)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Giám đốc
(Đã ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling lang, P.Công Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh quý 3			
30/09/2013	PKT 096	30/09/2013	Kết chuyển doanh thu Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	511 515		11.046.770.576 1.286.312
30/09/2013	PKT 097	30/09/2013	Kết chuyển chi phí giá vốn Kết chuyển chi phí bán hàng Kết chuyển chi phí QLDN Kết chuyển chi phí tài chính	632 641 642 635	8.451.836.396 180.330.322 423.822.145 1.130.016.218	
30/9/2013	PKT 099	30/09/2013	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	215.512.950	
30/09/2013	PKT 100	30/09/2013	Kết chuyển lợi nhuận	421	646.538.851	
			Cộng số phát sinh quý 3		11.048.056.888	11.048.056.888

Người ghi sổ
(Đã ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Giám đốc
(Đã ký họ tên)

Biểu số 2.27: Sổ Cái TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling lang, P.Cống Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số S03b-DN
*(Ban hàng theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI
Năm 2013

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối
Số hiệu: TK 421

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh quý 3			
30/09/2013	PKT 100	30/09/2013	Kết chuyển lợi nhuận quý 3	911		646.538.851
			Cộng số phát sinh quý 3			646.538.851

Người ghi sổ
(Đã ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Giám đốc
(Đã ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.28: Sổ Cái TK 421

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA

Mẫu số: B02-DN

Số 5 Ling lang, P.Cống Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

(Ban hàng theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
1	2	3	4		
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.25	11.046.770.576	10.633.595.670
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.26	0	103.914.040
3.	Doanh thu thuần bán hàng và CC DV	10	VI.27	11.046.770.576	10.529.681.630
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	8.451.836.396	8.055.978.585
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC DV	20		2.594.934.180	2.473.703.045
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1.286.312	1.150.320
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	1.130.016.218	1.037.932.307
8.	Chi phí bán hàng	24		180.330.322	234.466.763
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		423.822.145	468.882.232
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		862.051.801	731.271.423
11.	Thu nhập khác	31		0	1.121.000
12.	Chi phí khác	32		0	750.000
13.	Lợi nhuận khác	40		0	371.000
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		862.051.801	731.642.432
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	215.512.950	182.910.606
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	0	0
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		646.538.851	548.731.826
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)				

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người lập biểu
(Đã ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký họ tên)

Giám đốc
(Đã ký họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.28: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý III năm 2013

CHƯƠNG III:**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA.****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư HT VINA.****3.1.1. Ưu điểm.******Về bộ máy kế toán:***

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức và phân công rất khoa học và hợp lý, tương đối hoàn chỉnh phù hợp với quy mô và đặc điểm kinh doanh của Công ty với đầy đủ các phân hành cần thiết và đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng kịp thời được những thay đổi của chế độ. Tuy có sự phân nhiệm trong công việc nhưng toàn bộ công tác kế toán đều nằm trong một quy trình thống nhất do kế toán trưởng chi phối điều hành nhằm cung cấp những thông tin tài chính hữu ích và xác thực cho Công ty

****Về công tác tổ chức luân chuyển chứng từ:***

Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh mọi khâu ghi chép hoá đơn chứng từ theo đúng quy định và mẫu của BTC tuy không phải là toàn bộ nhưng nhìn chung đã phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh trên các hoá đơn, chứng từ phù hợp cả về số lượng và nguyên tắc ghi chép cũng như yêu cầu của công tác quản lý chứng từ. Chứng từ là cơ sở ban đầu để thực hiện công việc hạch toán, do đó các chứng từ đều được đánh số theo thứ tự thời gian và được kiểm tra thường xuyên về nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kiểm tra các chứng từ gốc kèm theo,... việc kiểm tra này giúp cho việc tổng hợp, phân loại thông tin để ghi sổ kế toán.

****Về công tác tổ chức hệ thống tài khoản:***

Các tài khoản là khá đầy đủ và phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế diễn ra. Điều này thuận lợi cho nhiều đối tượng ngoài doanh nghiệp khi đọc hệ thống báo cáo tài chính, hệ thống sổ kế toán của đơn vị.

**** Về phương pháp hạch toán kế toán:***

Theo phương pháp kê khai thường xuyên phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu cung cấp các thông tin thường xuyên, kịp thời của công tác quản lý tại Công ty.

***Về hệ thống sổ sách:**

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

*** Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Trong những năm qua tình hình thiêu thụ của Công ty ngày càng tăng. Doanh thu năm sau cao hơn năm trước. Phòng Kinh doanh có chiến lược Marketing phù hợp, có những nhà quản trị có đầu óc chiến lược. Công ty ngày càng khẳng định được uy tín của mình với khách hàng, bạn hàng và nhà cung cấp.

Nhìn chung, công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty đã đáp ứng được yêu cầu quản lý đặt ra về thời gian và tính chính xác, cụ thể. Các mẫu chứng từ, sổ sách tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính. Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và ghi sổ kế toán nhìn chung bám sát với chuẩn mực kế toán hiện hành

***Về công tác tổ chức hệ thống báo cáo kế toán:**

Công ty sử dụng khá đầy đủ các báo cáo tài chính theo quy định và theo yêu cầu của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng một số báo cáo giúp cho công tác quản trị nội bộ. Định kỳ, kế toán trưởng nộp các báo cáo tài chính lên cơ quan hữu quan để xem xét và duyệt quyết toán.

3.1.2. Những tồn tại

Nhìn chung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc phản ánh ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hoá, hạch toán chi tiết và tổng hợp tình hình tiêu thụ và kết quả kinh doanh của đơn vị. Đồng thời đã cung cấp một cách kịp thời chính xác thông tin liên quan cho ban quản trị doanh nghiệp mà ở đây chính là các phòng ban như: phòng kinh doanh, bộ phận kho, nhằm đảm bảo tính liên tục của hoạt động trong kỳ kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã thực hiện đúng chế độ kế toán của Nhà nước, không vi phạm chế độ về thuế, chế độ kế toán và những quy định của pháp luật, chấp hành đúng những thể lệ kinh tế chính sách tài chính áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất

Chế độ chế toán quy định một chuẩn mực chung về kế toán, tạo nên tính thống nhất trong công tác hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp ở Việt Nam. Song việc áp dụng và vận dụng chế độ đó tại các doanh nghiệp không phải hoàn

toàn giống nhau. Mỗi doanh nghiệp khi vận dụng chế độ đều nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán tại đơn vị mình và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của đơn vị. Qua thời gian thực tập đã tìm hiểu thực tế tại Công ty, em nhận thấy trong công tác kế toán nói chung và công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty còn một số tồn tại cần hoàn thiện. Sau đây em xin được đưa ra một số nhược điểm trong công tác kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư HT VINA:

❖ Về hiện đại hóa công tác kế toán

Hiện nay công ty vẫn áp dụng kế toán thủ công trên excel, tuy có thể tiết kiệm thời gian xong đôi khi vẫn có sự nhầm lẫn về số liệu, gây ra nhiều sai sót không đáng có. Trong khi đó hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đang ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến bộ phận kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng công việc khá lớn. Chính vì vậy, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán, sẽ đảm bảo được tính chính xác, kịp thời, mang lại hiệu quả cao nhất.

❖ Về hệ thống sổ kế toán và hệ thống tài khoản

- Khi hạch toán doanh thu, công ty mới chỉ lập Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái, chưa lập Sổ chi tiết bán hàng và Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Điều này gây khó khăn trong việc theo dõi sản lượng tiêu thụ và doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng, cũng như trong việc xác định lợi nhuận gộp mà từng mặt hàng mang lại.

- Mặt khác, cả chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, hoạt động bán hàng, kế toán theo dõi chung trên tài khoản 641, 642, không mở tài khoản cấp chi tiết cho 2 tài khoản này. Điều này gây khó khăn trong việc theo dõi và kiểm soát các yếu tố chi phí.

❖ Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa

- Khi bán hàng phát sinh khoản mà Công ty cho khách hàng được hưởng mức giá ưu đãi đó là hình thức chiết khấu cho khách hàng đối với khách hàng mua hàng với giá trị lớn và được hưởng chiết khấu. Với những trường hợp như vậy Công ty ghi giảm trực tiếp trên đơn giá bán từ đó giảm doanh thu. Điều này là không đúng với chế độ vì đây được coi là một khoản chiết khấu thương mại mà Công ty dành cho những khách hàng mua với số lượng lớn. Do đó, khoản chiết khấu này nên được hạch toán vào TK 521- Các khoản giảm trừ doanh thu. Hiện nay Công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng

được hưởng nếu như thanh toán trước hạn. Như vậy sẽ không giảm được việc bị chiếm dụng vốn từ các khách hàng của Công ty.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư HT VINA.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Trong nền kinh tế thị trường với sự phát triển ngày càng đa dạng các loại hình kinh doanh và giữa các doanh nghiệp luôn có sự cạnh tranh gay gắt để tồn tại và phát triển. Mỗi một doanh nghiệp không chỉ muốn mình tồn tại được mà còn mong muốn cho doanh nghiệp mình có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường trong sự phát triển không ngừng của xã hội. Bởi vậy, cũng như các doanh nghiệp khác Công ty cổ phần đầu tư HT VINA muốn duy trì hoạt động của mình thì điều kiện cần thiết là phải tự đứng vững trên thương trường, đẩy mạnh mối quan hệ, mở rộng thị trường, nhạy bén trước những biến động của thị trường và luôn cập nhật những thông tin để có được những thời cơ tốt nhất.

Không một bộ máy hoạt động nào lại đạt được sự hoàn hảo toàn bộ, hơn nữa cùng với sự phát triển của xã hội, nhất là trong nền kinh tế thị trường, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần cần phải có sự cố gắng hết sức của tất cả các cá nhân, đoàn thể để hoàn thiện mình hơn nữa đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Trong công tác kế toán nói chung và kế toán tiêu thụ hàng hoá nói riêng phải luôn có sự trau dồi, để phù hợp hơn với các chuẩn mực kế toán quốc tế. Để làm được điều đó, trước hết doanh nghiệp phải có một bộ máy quản lý phù hợp với ngành nghề kinh doanh, đồng thời phải có một bộ máy kế toán khoa học giỏi về chuyên môn hỗ trợ đắc lực trong công tác quản lý. Bộ máy quản lý của Công ty phải không ngừng hoàn thiện để hợp lý hoá nhất trong công tác tổ chức quản lý. Song song với nó thì từng bộ phận trong Công ty phải tự điều chỉnh hoàn thiện mình một cách gọn nhẹ và khoa học. Do đó, công tác kế toán nói chung, công tác hạch toán tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả kinh doanh nói riêng phải ngày càng củng cố, hoàn thiện để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty cổ phần đầu tư HT VINA là một doanh nghiệp sản xuất, do đó một hoạt động không thể thiếu đó là sản xuất và tiêu thụ hàng hoá. Ngoài ra việc luân chuyển vốn trong kinh doanh làm tăng vòng quay của vốn là rất quan trọng từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của mình. Trong cơ chế hiện nay, vấn đề sống còn của mọi doanh nghiệp là tạo ra, duy trì và nâng cao lợi nhuận. Hơn nữa

với những tồn tại về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty thì việc hoàn thiện hiện nay là rất cần thiết, cần được sự quan tâm đúng mực của ban lãnh đạo cũng như các cán bộ kế toán tại đơn vị.

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện

✓ Cùng với sự tồn tại và phát triển của đơn vị, công tác kế toán cần không ngừng nâng cao và hoàn thiện hơn nữa.

✓ Việc hoàn thiện đó phải tôn trọng trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành hiện nay, tuân thủ quy chế tài chính nhưng không được cứng nhắc mà linh hoạt.

✓ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải xuất phát từ đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty.

✓ Hoàn thiện phải đáp ứng thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu của doanh nghiệp.

Tóm lại để đưa hàng hóa của Công ty đến tay người tiêu dùng phải có sự kết hợp hài hòa, sự nỗ lực của toàn bộ công nhân viên, trong đó sự đóng góp không nhỏ của bộ phận kế toán.

3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư HT VINA

Để công tác kế toán ngày càng tốt hơn phù hợp với điều kiện thực tế ở Công ty, đảm bảo đúng chế độ kế toán Việt Nam quy định, phát huy ưu điểm khắc phục những nhược điểm còn tồn tại cần có hướng hoàn thiện. Với những kiến thức đã học ở trường cùng với việc tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty, em xin đưa ra một số ý kiến sau góp phần hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả kinh doanh của Công ty:

❖ Về hiện đại hóa công tác kế toán

Các phần mềm kế toán luôn là công cụ hiệu quả nhất, tiết kiệm thời gian và nhân lực trong việc phục vụ công tác hạch toán kế toán, phục vụ nhu cầu quản lý kế toán như báo cáo công nợ khách hàng chi tiết và chính xác, báo cáo số lượng hàng nhập, xuất, tồn kho,....

Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần đưa số liệu vào và thao tác in ra. Chương trình kế toán có độ chính xác cao và hiếm khi xảy ra lỗi.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán cho Công ty lựa chọn. Sau đây em xin giới thiệu 2 phần mềm khá phổ biến ở Việt Nam:

✚ Phần mềm kế toán MISASME.NET 2012



Giá của phần mềm MISA 2012: 9.950.000đ/ bản

Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên 01 CSDL độc lập.
- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như

giữa nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà SX chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra excell sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

+ Phần mềm kế toán FAST



Giá của phần mềm kế toán FAST: 10.000.000đ/bản

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- Tốc độ xử lý rất nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).
- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

❖ **Về hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết và hệ thống tài khoản.**

Công ty kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau nên thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả tiêu thụ của từng loại hàng hóa là vô cùng cần thiết đối với các nhà quản trị của Công ty. Thông tin chính xác sẽ giúp cho nhà quản trị biết được thực trạng lãi, lỗ của từng loại hàng hóa và từ đó đưa ra các biện pháp thúc đẩy tiêu thụ kịp thời, hợp lý.

➤ Đối với công tác kế toán doanh thu: Công ty nên lập Sổ chi tiết bán hàng theo từng sản phẩm. Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ Sổ chi tiết bán hàng vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Việc lập các sổ này giúp công tác quản lý kế toán doanh thu được cụ thể và chặt chẽ hơn.

➤ Đối với kế toán chi phí: Đối với Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng, TK 641 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, công ty nên mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh, để theo dõi chi tiết từng yếu tố chi phí. Cụ thể:

☞ TK 641 sẽ chia ra thành các tiểu khoản:

TK 6411: Chi phí nhân viên

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

☞ TK 642 sẽ chia ra thành các tiểu khoản:

TK 6421: Chi phí nhân viên

TK 6422: Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6423: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6425: Thuế, phí, lệ phí

TK 6426: Chi phí dự phòng

TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Dưới đây là biểu mẫu Sổ chi tiết bán hàng (**Biểu số 3.1**), Bảng tổng hợp bán hàng theo mặt hàng (**Biểu số 3.3**) và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu số 3.2**)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
 Số 5 Ling lang, P.Công Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số: S35-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm:.....

Tên sản phẩm, hàng hóa:.....

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
			Doanh thu thuần Giá vốn hàng bán Lãi gộp						

Sổ này có trang, đánh số trang từ trang 1 đến trang....

Người ghi sổ
 (Đã ký họ tên)

Ngày ... tháng... năm

Kế toán trưởng
 (Đã ký họ tên)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty cổ phần đầu tư HT VINA
Số 5 Ling Lang, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S36-DN
 (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH
 (Dùng cho các tài khoản 621, 622, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ tài khoản							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
					
			Số dư đầu kỳ Số phát sinh trong kỳ									
			Cộng phát sinh trong kỳ Ghi Có TK Số dư cuối kỳ									

Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA
Số 5 Ling lang, P.Cống Vị, Q.Ba đình, TP Hà Nội

TỔNG HỢP BÁN HÀNG THEO MẶT HÀNG

Năm:....

Mã hàng	Tên hàng	Số lượng bán	Số tiền	Giảm giá	Số lượng trả lại	Giá trị trả lại	Thuế trong DT	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp (%)
Cộng											

Sổ này có trang

Người ghi sổ
(Đã ký họ tên)

Sổ này cótrang đánh số từ trang 01đến trang.....

Ngày mở sổ:

Ngày..... thángnăm

Kế toán trưởng
(Đã ký họ tên)

Người ghi sổ
(Ký họ tên)

Ngày.....thángnăm

Kế toán trưởng
(Ký họ tên)

Biểu số 3.3: Tổng hợp bán hàng theo mặt hàng

Ví dụ minh họa:

✚ Ví dụ 3.1: (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá bán của ví dụ 2.2)

Ngày 10/9 công ty xuất kho 26.976 thùng carton bánh Chocopie12P cho công ty Công ty TNHH ORION VINA với giá bán là 4.393 đồng/thùng.

Kế toán định khoản:

1, Nợ TK 131:	118.478.592	2, Nợ TK 632:	103.291.104
Có TK 511:	11.847.859	Có TK 155:	103.291.104
Có TK 3331:	130.326.451		

Ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày kế toán nên ghi vào Sổ chi tiết bán hàng và Sổ Tổng hợp bán hàng theo mặt hàng. Cụ thể:

Căn cứ vào hóa đơn số 0001473 để vào Sổ chi tiết bán hàng (**Biểu số 3.4**)

✚ Ví dụ 3.2: (Minh họa tiếp nghiệp vụ chi phí bán hàng của ví dụ 2.3)

Ngày 3/09/2013 công ty chi tiếp khách hàng công ty orion của bộ phận bán hàng, số tiền 3.916.000, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6417:	3.560.000
Nợ TK 133:	356.000
Có TK 111:	3.916.000

Căn cứ vào HĐ 0098230 và Phiếu chi số PC0913-001, bên cạnh việc ghi vào Sổ Nhật Ký Chung và Sổ Cái, kế toán tiến hành ghi sổ Chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu số 3.5).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HT VINA

Số 5 Ling lang, P.Công Vi, Q.Ba đình, TP Hà Nội

Mẫu số: S35-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm 2013

Tên sản phẩm: Thùng carton bánh Chocopie 12P

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,531,532)
.....
10/09/2013	1473	10/09/2013	Thùng carton bánh Chocopie 12P	131	26.976	4.392	118.478.592		
.....
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Sổ này có 1 trang, đánh số trang từ trang 1 đến trang 1

Người ghi sổ

(Đã ký họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Kế toán trưởng

(Đã ký họ tên)

Biểu số 3.5: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty cổ phần đầu tư HT VINA
Số 5 Ling Lang, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội

Mẫu số S36-DN
 (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản 621, 622, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

Tài khoản: 641

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ tài khoản							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
						TK 6417	TK 6412	TK 6413	TK 6414	TK 6416	TK6417	TK 6418
			Số dư đầu kỳ									
03/9/13	PC0913-001	03/9/13	TT tiền tiếp khách	111	3.916.000						3.916.000	
...
			Cộng									

Sổ này cótrang đánh số từ trang 01đến trang.....

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
 (Ký họ tên)

Ngày.....thángnăm
Kế toán trưởng
 (Ký họ tên)

Biểu số 3.5: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

❖ Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa:**✓ Chiết khấu thương mại:**

Khi phát sinh nghiệp vụ có chiết khấu thương mại thì việc hạch toán vào TK 521 sẽ phản ánh được đúng bản chất hơn.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

✓ Chiết khấu thanh toán:

Ngoài ra công ty nên có chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán trước kỳ hạn để giảm việc bị chiếm dụng vốn hợp lý cho Công ty.

Chiết khấu thanh toán của công ty có thể xây dựng dựa trên:

- Lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
- Chính sách chiết khấu của các doanh nghiệp cùng ngành.
- Hay theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, kế toán hạch toán thông qua TK 635 – Chi phí tài chính

Nợ TK 653 - Số chiết khấu thanh toán dành cho người mua

Có TK 111, 112, 131 - Số tiền trả cho người mua

Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ TK 911 - Kết quả kinh doanh trong kỳ

Có TK 635 – Chi phí tài chính.

KẾT LUẬN

Là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất bao bì carton, Công ty cổ phần đầu tư HT VINA luôn phấn đấu để khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Để có được vị trí như hiện nay, một phần của thành công đó không thể không kể đến sự đóng góp của công tác kế toán. Công ty đang chú trọng đầu tư cho công tác kế toán tài chính ngày càng hoàn thiện để phục vụ cho công tác quản lý ngày càng tốt hơn mà trong đó khâu đóng vai trò quan trọng là doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và việc hạch toán kế toán nói chung tại Công ty tương đối hoàn thiện, song bên cạnh đó không tránh khỏi những thiếu sót.

Với những kiến thức được trang bị trong quá trình học và quá trình thực tập thực tế tại công ty em đã lựa chọn đề tài này để viết chuyên đề tốt nghiệp của mình và mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Tuy nhiên, do thời gian thực tập và trình độ kiến thức có hạn, trong chuyên đề em này mới chỉ đi vào nghiên cứu một số vấn đề cơ bản về cơ sở lý luận của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, thực trạng tại Công ty. Từ đó, em đã mạnh dạn đưa ra một số kiến ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP đầu tư HTVINA.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của cô giáo Th.S Lê Thị Nam Phương cùng các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, cũng như Ban lãnh đạo, các nhân viên của Công ty CP đầu tư HT VINA đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.